DOCUMENT RESUME

ED 136 571 FL 008 432

AUTHOR Tran Trong Phan; And Others
TITLE Learning Geography, Grade 2.
INSTITUTION Ministry of Education, Saigon (South Vietnam).
PUB DATE [65]
NOTE 134p.; In Vietnamese; For related documents, see FL 008 432-442; Best copy available

EDRS PRICE MF-$0.83 HC-$7.35 Plus Postage.
DESCRIPTORS Childrens Literature; *Elementary Education; *Geography Instruction; *Indochinese; *Instructional Materials; Reading Instruction; Reading Materials; Refugees; Textbooks; *Vietnamese; Vocabulary

ABSTRACT

This illustrated primer was designed for geography instruction at the second grade level in Vietnam. The fifty lessons are in the form of stories appropriate for the second grade. Each story is also designed to serve as a reading lesson. (CLK)

****
* Documents acquired by ERIC include many informal unpublished *
* materials not available from other sources. ERIC makes every effort *
* to obtain the best copy available. Nevertheless, items of marginal *
* reproducibility are often encountered and this affects the quality *
* of the microfiche and hardcopy reproductions ERIC makes available *
* via the ERIC Document Reproduction Service (EDRS). EDRS is not *
* responsible for the quality of the original document. Reproductions *
* supplied by EDRS are the best that can be made from the original. *
****

ED136571

TỦ SÁCH TIỂU-HỌC

STUDENT EDITION

Geography IV II

Soạn-giả :
TRẦN-TRỌNG-PHAN
PHẠM-VĂN-VỆ
VĂN-CÔNG-LÂU
LƯU-VĂN-LÊ

BEST COPY AVAILABLE

LỚP TƯ

U.S. DEPARTMENT OF HEALTH, EDUCATION & WELFARE
NATIONAL INSTITUTE OF EDUCATION

THIS DOCUMENT HAS BEEN REPRODUCED EXACTLY AS RECEIVED FROM THE PERSON OR ORGANIZATION ORIGINATING IT. POINTS OF VIEW OR OPINIONS STATED DO NOT NECESSARILY REPRESENT OFFICIAL NATIONAL INSTITUTE OF EDUCATION POSITION OR POLICY

BEST COPY AVAILABLE BEST COPY AVAILABLE

Soạn-thảo và ấn-hành trong khuôn-khổ
chương-trình hợp-tác giữa bộ Quốc-gia Giáo-dục
và Phái-bộ Kinh-tế Hoa-kỳ tại Việt-nam.

SOẠN-GIẢ

Trần-trọng-Phan — Phạm-văn-Vệ — Văn-công-Lầu — Lưu-văn-Lễ

EM HỌC

ĐỊA - LÝ

LỚP TƯ

Họa - sĩ : *Quách-Phước*

Nhạc-sĩ { *Lại-minh-Lương* / *Văn-Tri*

4 — A

PHẠN CHÍ-NAM

HIỀN HỌC-TẬP

BỔN-PHẬN CÔNG-DÂN

LỚP BA

SÁCH CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN
1962

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA-LÝ

Những danh-từ địa-lý

Cố tìm những dịp thuận-tiện và nhất là trong những cuộc đi chơi, tùy theo địa-phương, giáo-viên chỉ và giảng cho học-trò biết.

Đồng-bằng, ruộng, vườn, nương mạ, nghĩa-địa, điếm canh, chợ, nhà hàng, ngõ, đường đất, đường đá, đường nhựa, đường hỏa-xa, đường xe điện, nhà ga, nhà bưu-điện, đường điện-thoại.

Núi, gò, đồi, đèo, ải, thung-lũng, rừng, hầm mỏ, núi lửa.

Nước, ao, hồ, đầm, suối, lạch, sông con, sông cái sông đào, kênh, cầu, cống, đập, bãi, bờ đê, bến thuyền.

Biển, bờ biển, bến tàu, gioi đất, mũi đất, vịnh, đảo, quần đảo, bán đảo, eo biển, đèn biển.

Tập thực-hành xem phương hướng.

Lời nói đầu

« Địa-lý là môn học quan-sát thực-tế để cho trẻ trực-tiếp với sự-vật ». Nhưng lý-tưởng giáo-khoa ấy ít khi được thực-hiện dễ-dàng và đầy-đủ hoặc vì thiếu phương-tiện, hoặc vì tánh-cách đồng-nhứt của chương-trình.

Soạn quyển « EM HỌC ĐỊA-LÝ » lớp tư, chúng tôi nhắm mục-đích dung-hòa lý-tưởng giáo-khoa với hoàn-cảnh thực-tế, vừa cung-cấp một phương-tiện học-tập cho trẻ-em, vừa cống-hiến một tài-liệu giảng-dạy cho giáo-viên.

Chúng tôi trình bày quyển sách theo một lề-lối mới, dựa vào các nguyên-tắc sau đây :

1.— Các bài học được lồng trong một câu chuyện có mở đầu, có kết-thúc, có nhân-vật, có bối cảnh, để gợi hứng-thú con trẻ.

2.— Sát với trình-độ trẻ 7, 8 tuổi, về cả hai phương-diện nội-dung và hình-thức :

— Ý-tứ hợp với tâm-lý, tình-cảm thơ-ấu

— Lời văn giản-dị, rõ-ràng, phản-ảnh đúng ngôn-ngữ con trẻ : câu ngắn (không quá 10 tiếng), chữ dễ (không dùng tiếng Hán-Việt, ngoại trừ những tiếng rất thông-thường).

3.— Mỗi bài học được biên-soạn như một bài tập đọc

Sách gồm 2 phần : phần học sinh và phần hướng-dẫn.

Trong phần học sinh, các đề-tài xếp theo thứ-tự diễn-tiến của câu chuyện. Bài không quá 13 câu, câu không quá 10 tiếng. Cuối bài có 1 hay 2 câu ngắn, gọn, tóm-tắt điều cần-thiết phải ghi-nhớ. Hình vẽ chiếm một phần quan-trọng quyển sách, phô diễn linh-động, vui-tươi, ý-nghĩa bài học, đồng-thời làm đề-tài giúp học-sinh, nhận-xét và suy-luận.

MỤC-LỤC

HIỀN HỌC-TẬP BỔN-PHẬN CÔNG-DÂN

CHƯƠNG I

Những điều cần biết lúc ra đường

Bài 1.— Chiếc áo bà-ba lành (*Cách ăn-mặc lúc ra đường*) 9

2.— Trên ô-tô-buýt (*Không chen-lấn lúc lên hoặc xuống xe*) 12

3.— Xin cám-ơn ông ? (*Tỏ lời cám-ơn khi được người giúp-đỡ*) 14

4.— Giỏ trầu cúng bà lão (*Giúp-đỡ người già cả*) . . 16

5.— Xin mời bà ngồi ! (*Nhường chỗ cho người già-yếu*) 18

6.— Đèn xanh, đèn đỏ (*Luật đi đường : ngả tư*) . . 21

7.— Tiếng còi người cảnh-sát (*Luật đi đường : người đi bộ*) 24

8.— Chiếc xe tang (*Chào đám ma*) 26

9.— Chuyến đò ngang (*Cử-chỉ lúc đi đò*) 28

10.— Học ôn 31

CHƯƠNG II

(*Thực-hành các phép xã-giao*)

Bài 1.— Bài ca vọng-cổ (*Trọng giờ nghỉ-ngơi của người khác*) 34

2.— Lá thơ bảo-đảm (*Cử-chỉ khi đến công-sở*) . . . 36

3.— Đồ-xô tìm vàng (*Cử-chỉ nơi công-cộng : khi đến rạp hát*) 38

4.— Anh hề « Sọc-lô » (*Phép xã-giao nơi công-cộng : không làm ồn trong rạp hát*) 40

5.— Nghiêm ! Chào cờ ! (*Cử-chỉ khi chào Quốc-kỳ* . 43

6.— Lá quốc-kỳ (*Ý-nghĩa quốc-kỳ*) 45

7.— «Thưa bác Hai dùng nước» (*Cách chào hỏi người trên kẻ dưới*) 47

8.— Chừng nào anh đi học ? (*Tình bè-bạn*) 50

9.— Học ôn 53

Về văn đối-thoại, chúng tôi giữ thể-thức cổ-điển, nghĩa là chúng tôi viết :

TẤN hỏi cha :

« Tại sao tới đây xe nào cũng ngừng hết, Ba ? »

Ông LỘC đáp :

« Mình sắp qua cầu Bến-lức, con à ! »

thay vì :

« Tại sao tới đây xe nào cũng ngừng hết, Ba ? »

TẤN hỏi Cha.

« Mình sắp qua cầu Bến-lức, con à ! » Ông LỘC đáp. vì chúng tôi xét như thế trẻ em dễ hiểu hơn.

Một bài ôn — dưới hình-thức trò chơi, tô màu, trắc-nghiệm, ca hát — kết-thúc mỗi chương.

Ngoài ra, chúng tôi cố-gắng để bài đọc và tranh-vẽ, ý-tứ và lời văn chứa đựng được tánh-cách nhân-bản, đượm được màu sắc dân-tộc, bộc-lộ được khả-năng khai-phóng.

Trong phần hướng-dẫn — phần dành cho giáo-viên — chúng tôi giản-lược nguyên-tắc và đề-nghị cách trình-bày một bài dạy. Chúng tôi soạn một vài bài dạy làm thí-dụ. Giáo-viên có thể áp-dụng trọn-vẹn hoặc thêm bớt, sửa-chữa tùy sáng-kiến, hoàn-cảnh và điều-kiện làm việc của mỗi người.

Hy-vọng quyển « EM HỌC ĐỊA-LÝ » sẽ đem lại hứng-thú mới lạ cho học-sinh trong khi học-tập, kết-quả thiết-thực cho giáo-viên trong khi giảng dạy, chúng tôi rất mong các bực cao-minh, các bạn đồng-nghiệp vui lòng chỉ bảo cho những điều thiếu-sót mà chúng tôi tin chắc sẽ không tránh khỏi.

SOẠN-GIẢ

Kính gởi Quý Bạn Đồng-nghiệp

" EM HỌC ĐỊA-LÝ " là quyển sách đầu-tiên trong bộ địa-lý bậc tiểu-học mà chúng tôi sẽ lần-lượt cho ra mắt Quý Bạn.

Với loạt sách này, chúng tôi hân-hạnh giới-thiệu cùng Quý Bạn một " khóa-bản " trình bày theo thể-thức mới, khả dĩ giúp Quý Bạn giảng dạy một cách linh-hoạt và hấp dẫn.

Biên-soạn quyển sách, chúng tôi đã dựa vào những định-luật tâm-lý qua các giai-đoạn phản-ứng của trí-óc con trẻ trước sự-vật bên ngoài :

— sự-vật bên ngoài tiếp-xúc với các giác-quan của trẻ gây nên một cảm-giác,

— cảm-giác ấy gợi cho trẻ suy-nghĩ, tìm-hiểu, ý-thức sự-vật nhờ trí-khôn,

— trẻ phản-ứng bằng lời nói hoặc bằng hành-động.

Do đó, mỗi bài học địa-lý cần được xây-dựng theo đường lối sau đây :

CHUẨN-BỊ

— Luôn luôn khởi đầu bài học bằng một câu chuyện hay bằng những câu hỏi khéo-léo gợi hứng con trẻ.

— Cho trẻ quan-sát cảnh-vật : trực-tiếp với thiên-nhiên để trẻ nhận-xét hình sông, thế núi, cánh đồng bao-la, mặt biển minh-mông....

— Cho trẻ tập nghiên-cứu, ghi chép, suy-luận....

— Hướng-dẫn thảo-luận, kể chuyện, lập sơ-đồ, tập ảnh, bảng kê, mô-hình, ...

DÙNG SÁCH

— Cho trẻ quan-sát hình vẽ, giúp trẻ tìm hiểu cử chỉ các nhân-vật trong hình.

— Cho trẻ đọc bài trong sách.

— Cho trẻ thuật lại câu chuyện trong bài.

— Hướng-dẫn thảo-luận để mở rộng phạm-vi học-hỏi (dùng cách liên-tưởng qua không-gian và thời-gian).

— Kiểm-điểm bài học.

— Kết-thúc bài học bằng một vài câu thật đơn-giản cho trẻ em dễ nhớ.

HỢP-TÁC GIỮA GIA-ĐÌNH VÀ HỌC-ĐƯỜNG

Tuỳ trường-hợp, giáo-viên cần hợp-tác với phụ-huynh học-sinh để giúp trẻ em nhớ hoặc thực-hành những điều học-hỏi ở trường.

Trong phần phụ quyển sách này, chúng tôi có soạn vài bài hướng-dẫn theo phương-pháp kể trên để làm thí-dụ.

Các em học-sinh thân-mến

Năm nay, các em bắt đầu học địa-lý. Các em sẽ hỏi : Địa-lý là gì ? Học địa-lý có khó không ?

Chúng tôi kể cho các em nghe câu chuyện em TÂN. Các em sẽ biết địa-lý là gì và học địa-lý khó hay dễ.

TÂN là một em bé ngoan-ngoãn, dễ thương. TÂN 8 tuổi, bằng tuổi các em và cũng học lớp tư như các em.

TÂN có một người chị tên MỸ, 12 tuổi, học lớp nhứt.

Ba TÂN là Ông LỘC, làm thơ-ký Ty Địa-chánh An-xuyên.

Và đây : Câu chuyện bắt đầu....

CHƯƠNG I

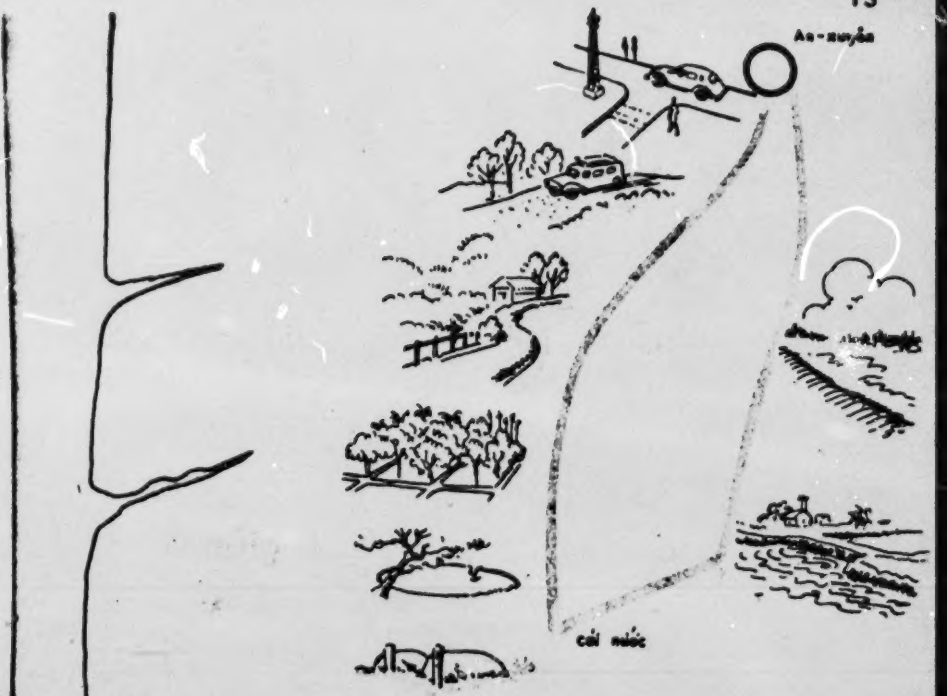
cái máy

TRÊN ĐƯỜNG VỀ QUÊ

MỸ, TÂN theo cha về làng cúng « Thanh-minh ».

Ra khỏi châu-thành, TÂN ngó xuống đường, hỏi :

" Thưa Ba, lúc nãy xe chạy êm.

" Sao bây giờ lại hơi giằn ? "

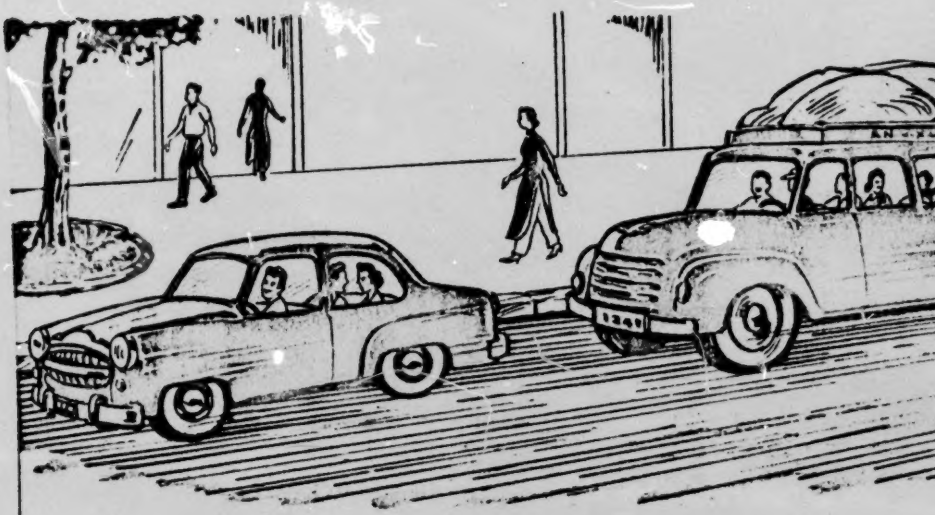

Ông LỘC cười, bảo :

" Trong châu - thành, đường tráng nhựa bằng-phẳng.

" Xe chạy êm. Ra đây đường trải đá lâu năm.

" Xe chạy mới giằn như vậy. "

— " Đây tới nhà Bác Hai có đường nhựa không, Ba ? "

— " Không ! Chỉ có đường trải đá thôi.

" Các đường khác trong quận đều vậy hết, con à ! "

EM NHỚ : *Đường đá nối liền các làng, các quận trong tỉnh.*

Đường nhựa nối liền các thành-phố lớn.

ĐƯỜNG VÔ NHÀ BÁC HAI

Ông LỘC, MỸ, TÂN xuống xe đi bộ.

Ba cha con rẹo đường đất vào làng.

MỸ thỏ-thẻ : "Thưa Ba !

" Mùa mưa đường này lầy-lội lắm phải không Ba ? "

Ông LỘC tươi cười : " Đường này rộng trên một thước.

" Mặt đường nhô lên. Nước mưa tuôn hai bên hết.

" Khi nào mưa dàm mới có một hai chỗ lày ".

Ông LỘC và hai con rẽ sang bên trái.

TÂN ngó cha : " Thưa Ba !

" Tới đây sao đường đi hẹp và quanh-co quá ? "

— " Đây là một ngõ trong làng.

" Ngõ này dẫn vào nhà Bác Hai con."

EM NHỚ : *Đường chật hẹp, quanh-co dẫn vào thôn xóm gọi là ngõ.*

Đường đất rộng hơn ngõ.

TRẠI CANH (1)

Đi bộ một đỗi, TÂN thở hồn-hển :

" Thưa Ba, gần tới nhà Bác Hai chưa ?

" Con mỏi chơn rồi ! "

Ông LỘC dừng bước :

" Thôi hai con vào đây ngồi nghỉ ! "

— " Thưa Ba, nhà ai bỏ trống đó ?

" Chỉ có bộ vạc (2) và cái mõ vậy Ba ? "

— " Trại canh chớ không phải nhà ở con à !

" Ban đêm thanh-niên làng đến đây canh gác.

---

(1) Điếm canh.

(2) Giường nằm làm bằng tre hay cau chẻ ra từng miếng lối bằng hai hay ba ngón tay.

" Có trộm cướp họ đánh mõ lên.

" Dân làng chạy đến tiếp bắt kẻ gian. "

EM NHỚ : *Trong làng có trại canh. Ban đêm thanh-niên thay phiên đến đó canh-gác phòng kẻ gian.*

VƯỜN BÁC HAI

Bác Hai dẫn MỸ, TÂN ra vườn chơi.

MỸ săm-soi đám rau tươi tốt.

TÂN sung-sướng nhảy ngang mương cau.

Chúng rảo bước giữa vuông (1) cam quít.

Chúng chạy quanh liếp ổi, hàng dừa.

Chúng ngồi nghỉ dưới bóng cây xoài.

MỸ đưa mắt nhìn quanh vườn rồi day lại em :

" Vườn của Bác Hai cây trái nhiều quá!

" Em vào nhà nói với Ba ra xem. "

EM NHỚ : *Vườn là miếng đất trồng rau hay cây ăn trái.*

(1) Khoảng đất trồng.

CÂU CÁ

Vừa vô tới nhà, Bác Hai hỏi MỸ và TÂN :

" Hai cháu thích câu cá không ? "

TÂN vỗ tay :

" Dạ, thích lắm ! Bác cho hai cháu ra mương câu ! "

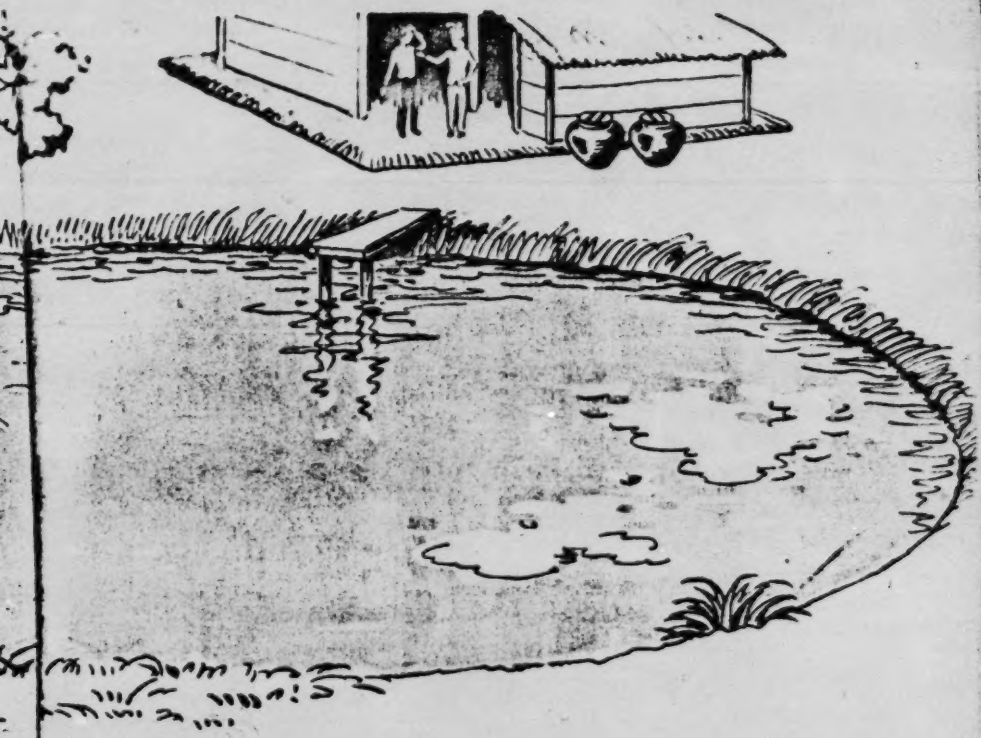

— " Mương vườn ít cá lắm cháu à !

" Câu cá Bác nuôi trong ao sau nhà Bác kìa ! "...

TÂN lấy càn câu đầy mấy khóm bèo :

" Ao cũng giống như vũng há chị Hai ? "

MỸ móc mồi thả xuống nước rồi ngó TÂN :

— " Nước đọng mấy chỗ đất thấp thành vũng."

" Còn ao thì do người ta đào để chứa nước."

" Ao rộng và sâu hơn vũng nhiều."

" Chung-quanh ao có đắp bờ để ngăn nước đơ. "

EM NHỚ : *Người ta đào ao để chứa nước tắm, giặt hoặc để nuôi cá.*

VIẾNG MỘ

MỸ, TÂN lăng-xăng chạy trước.

Bác Hai và Ông LỘC lững-thững theo sau.

Bỗng TÂN đứng lại :

" Thưa bác Hai, tại sao ở đây nhiều mả quá ?

" Mà lại đông người như vậy ? "

Bác Hai bước lại vỗ đầu TÂN :

" Ở đây là nghĩa-địa

" Hôm nay là ngày lễ Thanh-minh...

" Cháu không thấy người ta cúng mả đó sao ? "

Đi một đỗi, bác Hai ngừng lại :

" Mộ Ông nội đây, hai cháu ! "

Mọi người kính-cẩn cúi đầu.

Rồi, bác Hai lấy đèn nhang thắp cúng.

EM NHỚ : *Nghĩa-địa là khu đất để chôn người chết.*

Nghĩa-địa còn gọi là nghĩa-trang, đất thánh tha ma.

BỜ ĐẬP

Ông LỘC, MỸ, TÂN nằm trong mui.

Bỗng người lái đò lên tiếng :

" Thưa Ông, tới Bờ Đập (1) rồi ! "

Ông LỘC bước ra : " Chú ghé tại đập đi. "

TÂN theo sau : " Thưa Ba, đập ra sao Ba ? "

Ông LỘC chỉ cái đập : " Đó ! Đập đó con !

" Ở đây mùa mưa nước theo rạch tuôn ra sông.

(1) BỜ ĐẬP : tên một xóm trong làng Tân-hưng-Đông tỉnh An-Xuyên.

" Ruộng phía trong cao không có đủ nước để cày cấy.

" Người ta đắp đập để giữ nước lại trong ruộng.

" Đập này cũng ngăn không cho nước mặn vào ruộng. "

— " Thưa Ba, chỗ nước chảy mạnh đập chịu sao nổi ? "

— " Người ta xây đập đá, nước mới không phá được. "

EM NHỚ : *Đập để ngăn và giữ nước.*

Ý ! CÁI ĐẬP NÀY LỦNG

TÂN đứng trên đập nhìn xuống :

" Ý ! Cái đập này lủng mấy chỗ Ba à !

" Nước chảy ra ò ò kia kìa ! "

Ông LỘC bụt cười : " Đó là những miệng cống.

" Không phải lỗ nước xoi đâu con ! "

— " Thưa Ba, người ta làm cống chi vậy Ba ? "

— " Người ta xây cống để xả bớt nước ra. "

— " Thưa Ba, cống làm bằng gì ? "

— " Cống làm bằng xi-măng

" Có khi người ta xây cống bằng gạch. "

MỸ xen vô : " Thưa Ba, Ở ngoài chợ cũng có cống vậy ! "

— " Ừ ! Cống ở thành-thị, dẫn nước ra sông.

EM NHỚ : *Người ta đúc cống bằng xi-măng hay xây bằng gạch.*

Ở thành-thị cống dẫn nước ra sông.

Ở thôn-quê cống để cho nước ra vào ruộng.

ĐÊ ĐỂ LÀM GÌ ?

Ông LỘC, MỸ, TÂN đi trên bờ sông Bảy Háp (I)

MỸ hỏi cha : " Thưa Ba,

" Bờ này phải bờ đê không Ba ? "

Ông LỘC đáp : " Không phải c
con ! "

TÂN vọt miệng :"Bờ đê ra sao ba

— " Đê cũng đắp dọc theo sô
tương-tợ bờ này."

" Nhưng đê rộng lớn hơn. "

—"Đê để làm gì Ba ? "

—"Đê ngăn nước sông tràn vào ruộ

" Trong Nam không có đê, ngoài
mới có ! "

MỸ nhớ ra :"Đê Hồng-hà (2) lớn
hả Ba ? "

— Phải ! Mùa mưa, nước sông
dưng cao, chảy mạnh.

---

(1) BẢY HÁP : tên một con sông ở B
Cà-Mau.

(2) HỒNG - HÀ : tên con sông lớn nhứ
Bắc-Phần.

EM NHỚ : *Đê là bờ đắp dọc sông để ngăn nước tràn vào ruộng.*

Viết dưới mỗi hình danh từ địa lý thích hợp

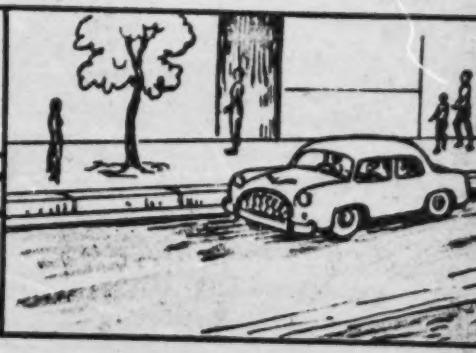

---------- ----------

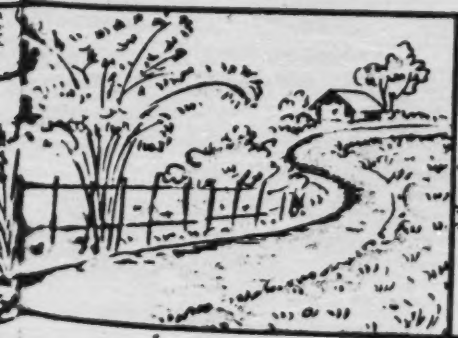

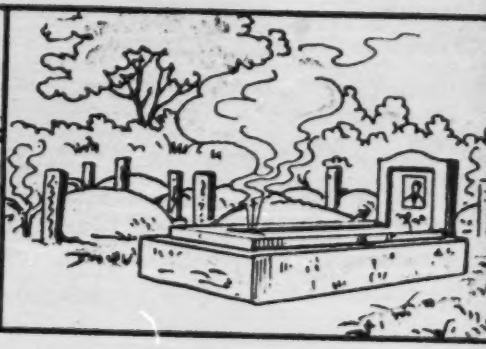

---------- ----------

Viết dưới mỗi hình danh từ địa lý thích hợp

CHƯƠNG II

Bài 1 1 : Ruộng.

THĂM RUỘNG

MỸ, TÂN theo cha về quê ngoại.

Đò tới Thạnh-phú, MỸ thỏ-thẻ :

" Thưa Ba, đất Ba mới mua ở chỗ nào Ba ? "

Ông LỘC chỉ về phía trước : " Kìa, tới rồi con ! "

Ông ra dấu (1) cho đò ghé lại.

MỸ, TÂN nắm tay chạy tung-tăng trên bờ cái.

Hai bên bờ : kẻ bừa, người cày.

Kẻ phát, người cào cỏ.

Xa xa, năm ba người đang đắp bờ.

Ông chỉ cho hai con :

(1) Ra hiệu

" Ruộng của mình chạy từ bờ mới đắp đến đây.

" Người ta đang dọn đất để cấy lúa đó con ! "

EM NHỚ : *Ruộng là thửa đất nơi đó người ta cấy lúa.*

ĐỒNG CÀ-MAU

Ông LỘC, MỸ, TÂN đứng lại nhìn về phía trước :

Những vuông ruộng liền nhau đến tận chơn trời.

TÂN thỏ-thẻ :

" Thưa Ba, đằng kia phải ruộng không Ba ?

" Chỗ có trâu đứng đó ? "

Ông LỘC gật đầu : " Phải ! Chỗ nào cũng là ruộng !.

" Xa quá nên mình chỉ thấy một vùng bằng-phẳng,

" Người ta gọi chung cả vùng này là đồng-bằng. "

MỸ xen vào :

" Ở đây phải là Đồng Cà-mau không Ba ? "

— " Phải ! Đây là Đồng Cà-mau ! "

EM NHỚ : *Đồng-bằng là miền đất bằng-phẳng, rộng minh - mông, (mênh - mông) có nhiều ruộng lúa.*

ĐÁM CỎ NON

Ông LỘC vui-vẻ nói chuyện với một nông-dân.

TÂN níu tay MỸ : " Chị Hai ơi !

" Đàng kia có đám cỏ non.

" Phải gần nhà, mình nhổ cho dế ăn thích quá ! "

Chú nông-dân bựt cười : " Đám mạ của chú mà !

" Không phải cỏ non đâu cháu ! "

TÂN ngơ-ngẩn nhìn cha. Ông LỘC dẫn giải :

" Mạ là cây lúa non con à !

" Đám mạ là vuông ruộng để gieo mạ.

" Đám mạ con gọi là nương mạ.

" Người ta thường gieo mạ ở những vuông ruộng cao. "

EM NHỚ : *Đám mạ hay nương mạ là một vuông ruộng để gieo mạ.*

" RẠCH RẬP " (1)

Chiếc đò dọc xuôi dòng nước, tiến nhanh.

Ông LỘC, MỸ, TÂN, đứng trước mũi đò.

Hai bên bờ cây-cối, vườn-tược xanh-um.

MỸ, tay chỉ về phía trước :

" Thưa Ba, sông này sao hẹp và quanh-co quá ? "

Ông LỘC vỗ nhẹ đầu con :

" Đây là rạch chớ không phải sông con à !

" Rạch là một dòng nước nhỏ.

" Rạch chảy qua đồng ruộng, vườn-tược.

" Con rạch này tên là Rạch Rập."

EM NHỚ : *Dòng nước nhỏ chảy qua đồng ruộng gọi là rạch.*

(1) RẠCH RẬP : tên một con rạch ở Đồng Cà-Mau (gần chợ An-Xuyên)

"MƯƠNG - LỘ" (1)

MỸ, TÂN ngồi tại mũi đò nhìn lên bờ. Ông LỘC nằm nghỉ trong mui. Bỗng TÂN reo lên :

" Thưa Ba, tới đây rạch ngay và rộng quá ! "

Người lái đò vừa đẩy mạnh mái chèo, vừa cười :

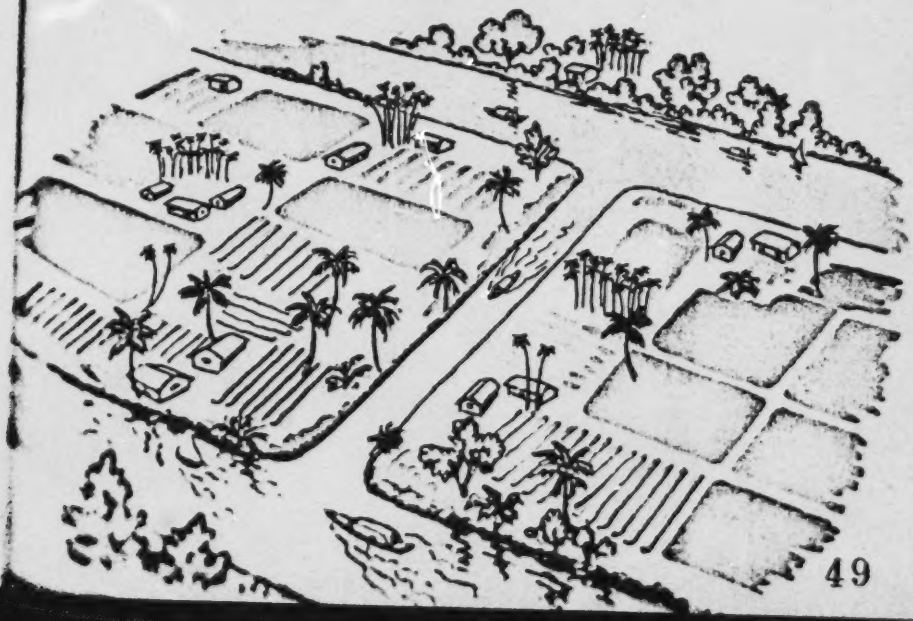

" Tới Mương-Lộ rồi cháu à ! "

Ông LỘC trong mui bước ra.

TÂN nhìn cha như muốn hỏi tiếp.

Ông LỘC hiểu ý dẫn giải :

" Đây là con sông do người đào ;

" Không phải rạch con à !

" Sông đào này tên Mương-Lộ.

" Nó nối liền Sông Bảy-Háp và Sông Cửa-Lớn (2). "

EM NHỚ: *Sông đào (3) là sông do người đào ra.*

---

(1) MƯƠNG-LỘ : tên con sông đào dọc theo lộ Cà-mau — Năm-Căn.

(2) CỬA-LỚN : tên con sông ở đồng Cà-Mau.

(3) Sông đào : có nơi người ta gọi sông đào là kinh.

PHẢI SÔNG ĐÀO KHÔNG, BA ?

Sông đào " Mương-Lộ ", nước ròng chảy xiết.

Chiếc đò được trớn càng đi mau.

MỸ, TÂN chăm-chú nhìn cảnh-vật trên bờ sông.

Từ cánh đồng phía trái một dòng nước đổ ra.

TÂN day lại : " Thưa Ba,

" Đường nước chảy đó phải là sông đào không ? "

Ông LỘC gật đầu :

" Đó cũng là một con sông đào.

" Nhưng hẹp và cạn nên người ta gọi là kinh.

" Con kinh đó tháo nước trong ruộng ra.

" Có chỗ kinh cũng dẫn nước vô ruộng. "

EM NHỚ : *Người ta đào kinh để dẫn nước vô ruộng hay tháo nước trong ruộng ra.*

" ĐẦM BÀ TƯỜNG " (1)

Ông LỘC, MỸ, TÂN đang ngon giấc.

Thình-lình chiếc ghe lắc-lư.

Ông LỘC cùng hai con bước ra nhìn quanh.

Người lái đò gác chèo, với láy sào chống :

" Thưa Ông, tới đầm rồi ! " Ông LỘC vui-vẻ khen :

" Anh lái chèo giỏi quá ! " TÂN tò-mò :

" Thưa Ba, đầm là gì ? " — " Đầm là vùng đất thấp.

" Đầm rộng lớn, có nước sâu, ở giữa đồng. "

Người lái đò ra vẻ thông-thạo :

" Đầm này kêu là Đầm Bà Tường, rộng lắm !

" Ghe đi từ đầu đến cuối, phải mất cả giờ. "

EM NHỚ : *Đầm là một vùng đất thấp, rộng lớn, có nước sâu, ở giữa đồng.*

(1) ĐẦM BÀ TƯỜNG : tên một cái đầm trong Đồng Cà-mau.

" MŨI ÔNG LỤC "

Đò đang đi, ông LỘC chỉ về phía trước :

" Anh lái đò có biết " Mũi " đó tên gì không ? "

Người lái đò ngừng chèo :

" Thưa Ông, mũi đó tên là Mũi Ông Lục. "

TÂN hỏi nhỏ cha : " Thưa Ba, mũi là gì Ba ? "

Ông LỘC chỉ Mũi Ông Lục, dẫn giải :

" Đó ! Chỗ đất lồi nhọn đâm ra mặt nước là mũi. "

MỸ đứng suy-nghĩ, rồi như trực nhớ :

" Dạ, gần tới Mũi Cà-mau chưa Ba ? "

Người lái đò xen vào : " Ý ! Còn xa lắm !

" Ghe đi cầu cả buổi nữa mới tới ! "

EM NHỚ : *Phần đất lồi nhọn đâm ra sông hay biển là mũi đất.*

" DOI MẤM "

Ông LỘC và hai con đứng xem phong-cảnh :

Mấm, bần, dừa nước chen-chúc hai bên bờ đầm.

MỸ sốt ruột :

" Thưa Ba, gần tới nhà Ông ngoại chưa ? "

Ông LỘC đáp : " Qua khỏi doi này thì tới. "

TÂN ngơ - ngẩn : " Thưa Ba, doi chỗ nào Ba ? "

Ông LỘC chỉ vào bờ : " Doi đó, con thấy chưa ? "

TÂN nhận xét :

" Doi đất cũng như mũi đất phải không Ba ? "

— " Phải ! Nhưng doi rộng hơn và đầu không nhọn.

" Doi này tên là Doi Mấm.

" Nhà Ông ngoại con cách Doi Mấm độ ngàn thước. "

EM NHỚ : *Doi đất cũng giống như mũi đất, nhưng rộng hơn và đầu không nhọn.*

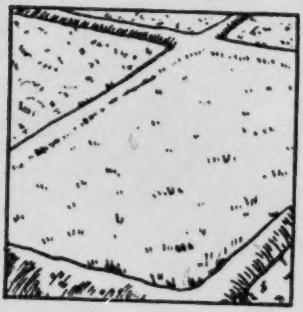

Dùng viết chì màu tô hình bên một

Dùng viết chì màu tô hình bên một

CHƯƠNG III

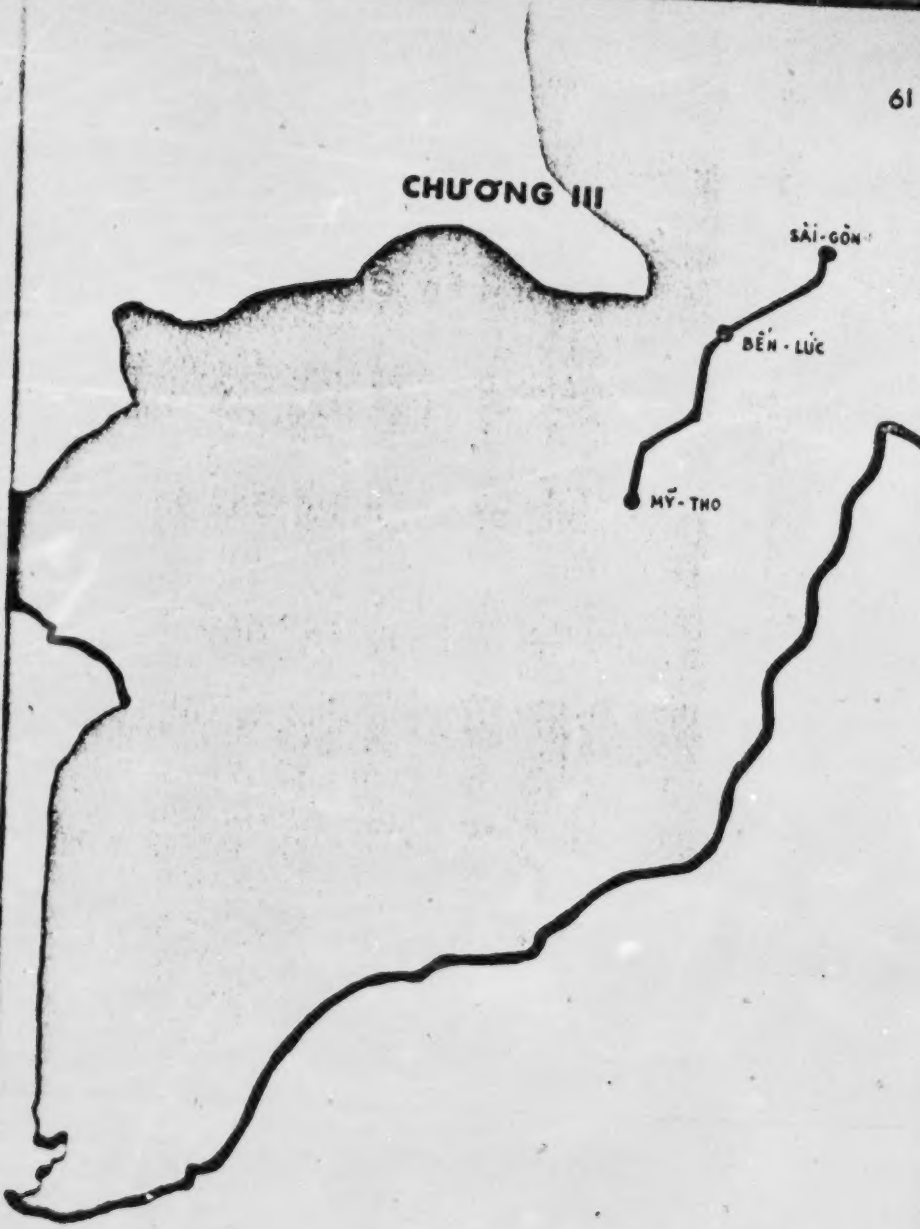

BẾN THUYỀN MỸ-THO

Xe hơi vừa tới bến Định-tường. (1) TÂN hỏi cha :

" Thưa Ba, mình ghé đây để làm chi vậy ? "

Ông LỘC đáp : " Ghé thăm Cậu con.

" Cậu chở ghe than lên đây bán mấy hôm nay. "

Ông LỘC và hai con đi về phía Chợ Cũ (2) ....

TÂN thấy hàng trăm chiếc ghe đậu ở bờ sông :

Ghe buồm, ghe chài, tam bản, đò máy v. v...

Bên cạnh cầu bến có neo nhiều chiếc đò máy.

Hành-khách lên xuống không dứt.

TÂN nhìn xuống sông, hỏi :

" Chỗ này là chỗ gì Ba ? "

Ông LỘC tươi cười :

" Chỗ này là bến thuyền Mỹ-tho.

" Kìa ! Chiếc ghe than của Cậu con đậu kìa ! "

EM NHỚ : *Bến thuyền là nơi ghe tàu ghé buôn bán và rước hành-khách.*

(1) ĐỊNH-TƯỜNG : tên một tỉnh ở miền Nam (tên cũ Mỹ-tho).

(2) CHỢ CŨ : tên một chợ ở Định-tường.

QUA CẦU BẾN-LỨC (1)

Xe đò rời (2) Định-tường, tiến về Sài-gòn.

Độ một giờ sau, xe ngừng lại. TÂN hỏi cha :

" Tại sao tới đây xe nào cũng ngừng hết, Ba ? "

Ông LỘC âu-yếm nhìn con, đáp :

" Mình sắp qua cầu Bến-lức, con à !

" Xe ngừng lại cho đoàn xe bên kia qua trước. "

— " Cầu này hẹp lắm sao Ba ? "

— " Chỉ vừa cho một xe lớn qua ! "....

Khi xe lên cầu, TÂN trầm-trồ :

" Cầu dài quá hả Chị Hai ? "

MỸ gật đầu: " Ừ ! Nó là một trong những cầu dài nhứt miền Nam.

" Nó bắc qua Sông Vàm-cỏ-đông." (3)

EM NHỚ : *Cầu bắc qua sông rạch cho người ta đi hoặc xe chạy.*

(1) BẾN-LỨC : tên một quận trong tỉnh Long-an.
(2) tách khỏi (chính tả thông dụng miền Nam).
(3) VÀM-CỎ-ĐÔNG : tên con sông ở Nam-Phần Việt-Nam.

CHỢ SÀI-GÒN

Tới Sài-gòn....

Ông LỘC, MỸ, TÂN ở nhà chú tư Quý.

Hôm nay, Ông dẫn hai con đi viếng chợ.

Người buôn kẻ bán tấp-nập ồn-ào.

Vào hàng cá, TÂN vội níu tay cha, cằn-nhằn :

" Chỗ này tanh quá ! Thôi đi chỗ khác Ba ! "

Đến hàng vải, MỸ chỉ cho em :

" Hàng vải đủ màu sắc kìa em ! "

Bước qua hàng trái cây, TÂN gọi Chị :

" Chị Hai ơi ! Xoài chín đỏ ngon ghê ! "

Ra khỏi chợ, Ông LỘC nói :

" Chợ này bán đủ thứ đồ dùng, thấy không con ? "

MỸ đáp ngay :

" Dạ thấy ! Nhứt là hàng vải đẹp lắm ! "

EM NHỚ : *Người ta hội-họp tại chợ để mua bán thức ăn và hàng-hóa.*

NHÀ HÀNG

Ra tới đường Lê-Lợi, (1) TÂN liền hỏi :

" Đường này đông người quá hả Ba ? "

Ông LỘC vui-vẻ đáp :

" Họ đi mua hay xem bán hàng con à !

" Ở đây toàn là tiệm buôn. (2)

" Người ta bán thuốc tây, sách vở, quần áo.

" Cũng có nhà hàng bán tơ lụa, giày nón nữa. "

69

Chỉ bảng hiệu của một tiệm buôn, Ông LỘC tiếp :

" Đây là nhà hàng tạp-hóa.

" Hai con vào đây Ba mua áo lạnh cho !

" Mai mình sẽ đi Đà-lạt. "

Trong tiệm bước ra, TÂN chỉ nhà hàng giải-khát :

" Thưa Ba ! Mình vào đó uống nước cam, Ba ! "

EM NHỚ : *Tại thành-thị có nhiều cửa tiệm lớn gọi là nhà hàng.*

---

(1) ĐƯỜNG LÊ-LỢI : tên một con đường ở Sài-gòn.

(2) TIỆM BUÔN : gian nhà bán hàng-hoá.

CHỜ BA MUA CÒ ĐÃ !

Vừa xuống xe, TÂN ngơ-ngác, hỏi :

" Mình lại đây chi vậy, Ba ? "

Ông LỘC đáp : " Lại gởi thơ về cho má con.

" Đây là Nhà Bưu-điện Sài-gòn ! "

Vào trong MỸ hỏi cha :

" Mình bỏ thơ chỗ nào Ba ? "

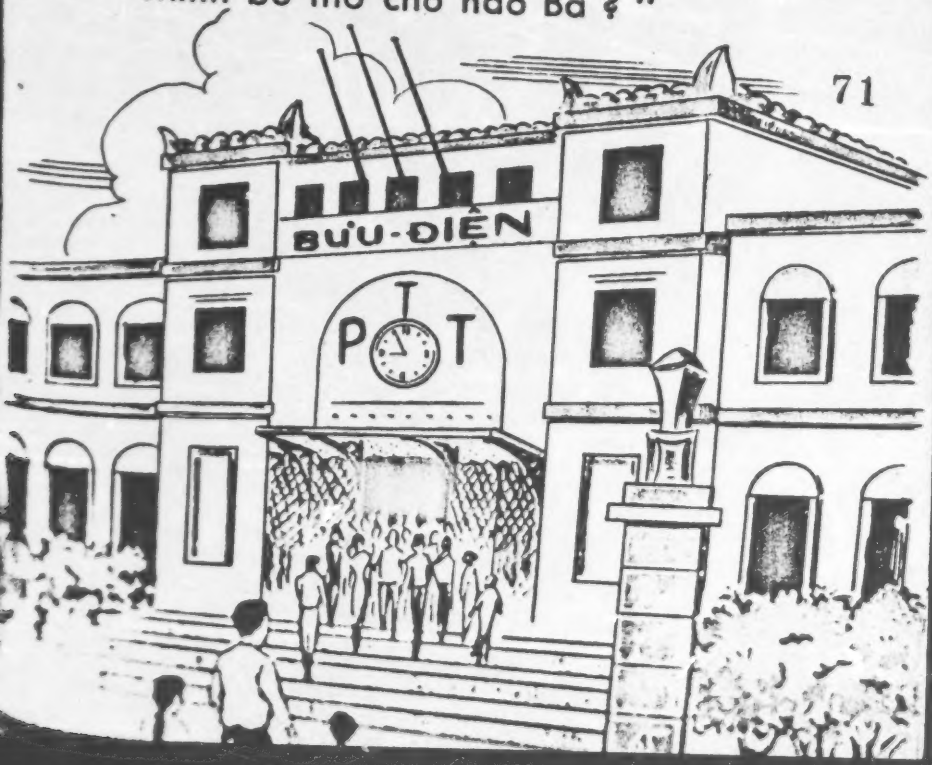

— " Bỏ trong thùng trước mặt con kìa !

" Nhưng khoan ! Chờ Ba mua cò đã ! "

Xong, ông dắt các con đến từ phòng, dẫn giải :

" Chỗ này gởi tiền, gởi thơ không sợ mất (1)

" Chỗ kia, lãnh tiền, đánh dây thép. " (2)

Ra về, TÂN nắm tay chị, bảo nhỏ :

" Chắc ngày mai mẹ được thơ mình hả chị ? "

EM NHỚ : *Nhà bưu-điện bán cò dán thơ, nhận gởi tiền, gởi thơ bảo-đảm, gởi điện-tín.*

(1) thơ bảo-đảm.

(2) Điện tín

" A-LÔ ! A-LÔ ! "

Ông LỘC đến thăm người bạn chủ hãng dệt.

Sau một hồi chuyện-vãn, ông chủ hãng mời :

" Anh và hai cháu ở dùng cơm với tôi.

" Sẵn dây nói đây, Anh cho Anh Quý hay đi ! "

Nhận lời, Ông LỘC gọi : " A-lô ! A-lô ! "...

73

TÂN đứng trố mắt nhìn cha.

Ông chủ hãng đặt ống nghe vào tai TÂN.

TÂN reo mừng : " Chị Hai ơi, ngộ quá !

" Chú Tư ở xa mà nói chuyện nghe thật rõ ! "

Ông LỘC vừa chỉ vừa dẫn giải :

" Nhờ đường dây điện-thoại này,

" Tiếng nói của Chú được đến tai con. "

EM NHỚ : *Hai người cách xa nhau, có thể nói chuyện bằng điện-thoại.*

ẤY LÀ ĐƯỜNG XE ĐIỆN CON À !

Ông LỘC, MỸ, TÂN đi trên đường " Hai Bà Trưng. "

TÂN thấy hai thanh sắt dài nằm sát đất.

TÂN day qua cha, hỏi :

" Ai chôn sắt dài theo đường chi vậy, Ba ? "

Ông LỘC cười :

" Ấy là đường xe điện con à ! "

MỸ xen vào :

" Con đã học và biết rồi, Ba.

" Tại lớp học con có treo hình xe điện. "

TÂN hỏi tiếp :

" Sao đường xe điện không chạy tới tỉnh mình, Ba ? "

— " Đường xe điện thường đặt trong thành-phố lớn.

" Xe điện chỉ chạy các khoảng đường gần, con à ! "

EM NHỚ : *Đường xe điện thường đặt trong thành-phố lớn.*

CẦN TRỤC NGỘ QUÁ !

Ông LỘC dẫn hai con xuống bến tàu.

Dọc bờ sông, mấy chiếc tàu lớn đang nhả khói.

TÂN nắm tay cha, hỏi : " Tàu gì lớn quá, Ba ? "

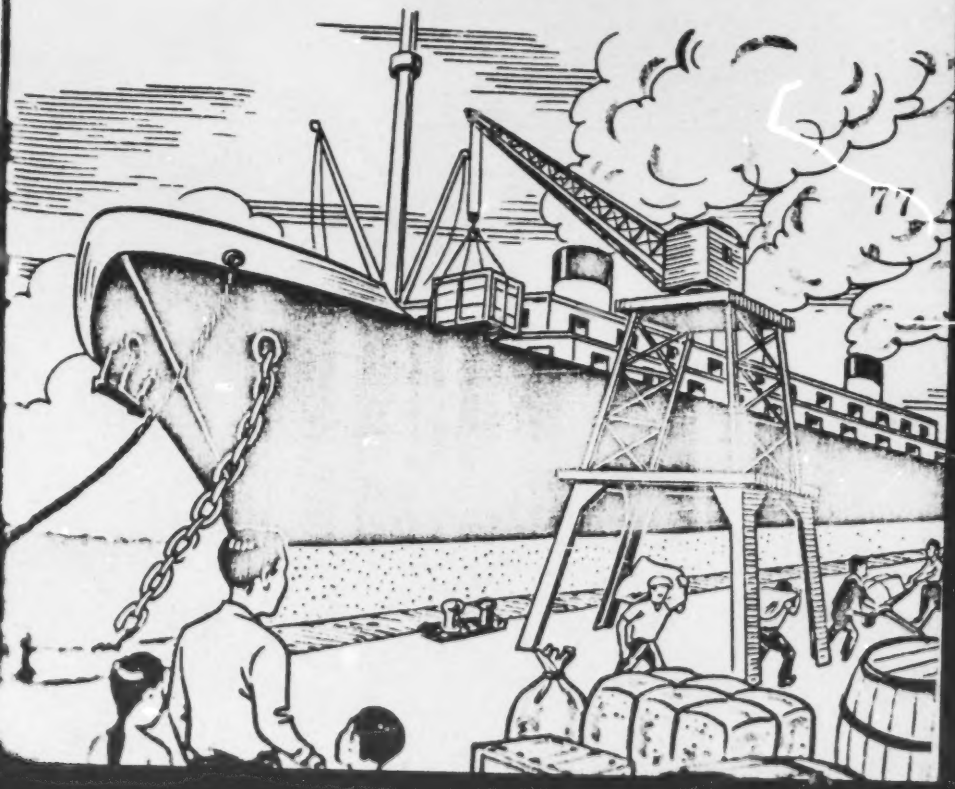

Ông LỘC ôn-tồn : " Tàu chạy đường biển, con à !

" Nó chở hành-khách và hàng-hoá. "

Thấy trục máy kéo hàng, MỸ kêu TÂN :

" Em coi kìa ! Cần trục ngộ quá !

" Mấy thùng lớn vậy mà nó kéo lên nổi ! "

TÂN hỏi tiếp : " Thưa Ba !

" Mấy người đó vác thùng, đẩy xe đi đâu vậy ? "

Ông LỘC vừa chỉ kho hàng vừa đáp :

" Họ đem hàng vào kho đó con à ! "

EM NHỚ : *Bến tàu là nơi tàu đậu để lên xuống hàng-hoá và đưa đón hành-khách*

CHUYẾN XE LỬA ĐÀ-LẠT

Vừa lên tắc-xi, Ông LỘC bảo tài-xế :

" Anh đưa chúng tôi đến Nhà ga Sài-gòn. "

TÂN liền hỏi cha : " Nhà ga là gì, Ba ? "

— " Là nơi xe lửa đậu cho hành-khách lên xuống. "

Đến nơi, Ông LỘC chỉ cho hai con :

" Nhà ga đây con. Kia là phòng bán vé.

" Bên cạnh là nơi cân hàng. " ...

Ra sân ga, TÂN buột miệng : " Xe lửa dài quá ! "

" Ừ, xe lửa dài vì có nhiều toa.

" Nó chở được nhiều hành-khách và hàng-hoá

MỸ xen vào :

" Đường xe lửa này đi tới đâu, Ba ? "

— " Đi Đà-lạt, Nha-trang, Huế, Hà-nội. "

EM NHỚ : *Xe lửa đậu tại ga cho hành-khách lên xuống.*
Đường xe lửa tiện-lợi : Xe lửa chở nhiều hành-khách và hàng-hoá.

BÀI ÔN

Chọn tiếng đúng nghĩa trong các chữ in màu gạch bỏ những tiếng thừa.

1.– Nơi người ta hội-họp để mua bán thức ăn là : nhà hàng, chợ, bến xe.

2.– Tiệm buôn lớn gọi là : nhà ga, nhà bưu-điện, nhà hàng.

3.– Muốn mua cò (1) dán thơ, em đến : nhà bưu-điện, bến thuyền, nhà ga.

4.– Hai người cách xa có thể nói với nhau bằng : đường xe lửa, điện-thoại, đường xe điện.

(1) Tem

5.– Nơi tàu đậu để lên xuống hàng-hoá và đưa đón hành-khách là : bến thuyền, nhà ga, bến tàu.

6.– Muốn đi xe lửa (1) , em đến : nhà ga, bến tàu, chợ.

7.– Nơi ghe thuyền đậu buôn bán và đưa đón hành-khách là : nhà bưu-điện, chợ, bến thuyền.

8.– Xe cộ sang sông phải đi qua : nhà ga, cầu, đường xe điện.

---

(1) Xe hỏa

CHƯƠNG IV

MẢ CỦA AI VẬY CHỊ HAI ?

Xe lửa qua khỏi Thủ-đức.

MỸ chăm-chú nhìn cảnh-vật hai bên đường.

Bỗng TÂN chỉ những mô đất cao, hỏi chị :

" Mả của ai mà lớn vậy Chị Hai ? "

MỸ bụt cười, đáp : " Đâu phải mả nà ! "

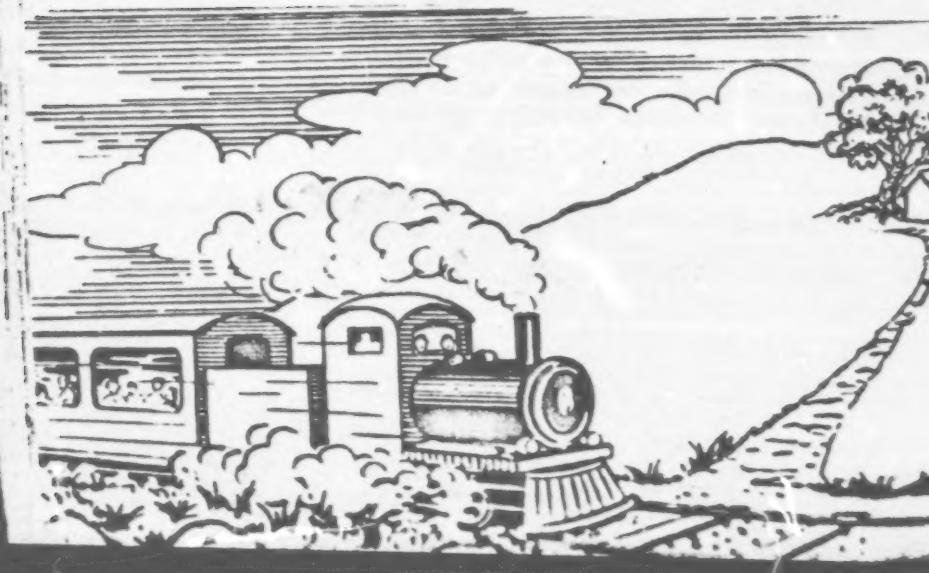

Ông LỘC cũng cười, xen vào :

" Không phải mả đâu con ! Đó là những gò đất.

" Ở dưới mình, đất bằng-phẳng.

" Còn ở miền này thì khác !

" Giữa đồng thường có những mô đất nổi lên.

" Người ta gọi những mô đất ấy là gò. "

TÂN nói tiếp : " Cái gò đàng kia lớn quá Ba ! "

— " Gò lớn và cao thì gọi là đồi, con à ! "

EM NHỚ : *Gò là những mô đất nổi lên giữa đồng.*

Đồi là gò lớn và cao.

Á ! NÚI NGỘ QUÁ !

Đoàn xe lướt nhanh trên đường sắt.

Phong-cảnh lần lần đổi khác.

MỸ vụt đứng lên, gọi em :

" Coi kìa, TÂN ! Núi cao ghê ! "

TÂN ngó ra, hỏi :

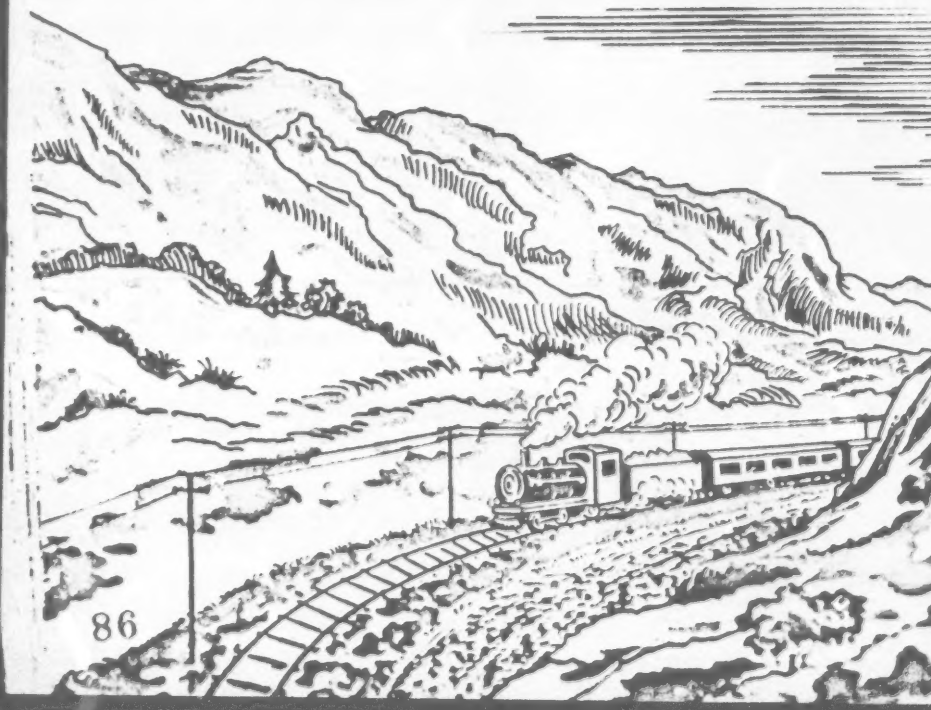

" Đâu, đâu ? Á, núi ngộ quá, Chị Hai há ! "

Rồi, day qua cha : " Thưa Ba, núi kìa, Ba !

" Núi cao lớn hơn đồi nữa, hả Ba ? "

Ông LỘC gật đầu, vui-vẻ đáp :

" Phải, núi cao lớn lắm !

" Có núi cao lớn gấp ngàn lần nhà của chúng ta.

" Có núi có đường ăn thông xuống ruột trái đất.

" Núi này có thể phun ra lửa.

" Người ta gọi là núi lửa. "

EM NHỚ : *Núi cao và lớn hơn đồi.*

Núi lửa có thể phun ra lửa.

THƯA BA, THAN ĐÁ LẤY Ở ĐÂU ?

Đoàn xe chuyển bánh, rời ga, toả khói mịt-mù.

TÂN vừa giụi mắt vừa càn-nhàn :

" Xe gì phun bụi quá ! " Ông LỘC ôn-tồn nói :

" Ừ ! Xe chạy bằng than đá nên bụi lắm. "

— " Thưa Ba, than đá là than gì ? "

— " Than đá là thứ than lấy ở dưới đất. "

— " Làm sao lấy than dưới đất được Ba ? "

" Muốn lấy than, người ta đào hầm.

" Thợ xuống hầm dùng "cúp", hoặc máy khoan lấy than

Hầm ấy gọi là hầm mỏ than ".

MỸ góp ý :

Cũng có hầm mỏ sắt, đồng, chì nữa hả ba?

EM NHỚ : *Hầm mỏ là nơi lấy than đá, sắt, đồng, chì.*

CẤM ĐỐT LỬA

Bên đường, thỉnh-thoảng, có bảng đề : " Cấm đốt lửa ".

TÂN lấy làm lạ hỏi cha :

" Tại sao người ta dựng mấy bảng đó, Ba ? "

Ông LỘC ngạc-nhiên : " Bảng gì đâu con ? "

— " Bảng cấm đốt lửa kìa Ba ! "

— " À, đây là khu rừng, con à !

" Con thấy cây mọc chen-chúc, um-tùm đó không ?

" Rừng rất có ích-lợi.

" Rừng cho ta gỗ làm nhà, đóng bàn ghế....

" Người ta sợ cháy rừng nên cấm đốt lửa. "

EM NHỚ : *Rừng là khu đất rộng có nhiều cây mọc chen-chúc, rậm-rạp.*

HỒ " XUÂN-HƯƠNG "

Ông LỘC, MỸ và TÂN tới Đà-lạt.

Hôm nay, Ông LỘC dẫn hai con viếng cảnh.

Ông chỉ cho MỸ và TÂN :

" Trước mắt các con là Hồ " Xuân-Hương ".

MỸ trầm-trồ : " Hồ đẹp mà tên cũng đẹp nữa "

92

TÂN cãi lại " Ao mà chị Hai ! "

Ông LỘC tát yêu TÂN, dẫn giải :

" Hồ con à ! "

" Hồ cũng giống ao. Nhưng hồ rộng và sâu hơn.

" Con thấy không, ghe buồm chạy trên hồ được kìa ".

— " Thưa Ba, ai đào hồ vậy Ba ? "

— " Không ai đào cả con. Hồ có tự-nhiên.

" Trước là một khu đất trũng.

" Nước chảy vào đầy trũng thành hồ ".

EM NHỚ : *Hồ giống ao nhưng rộng, sâu và có tự-nhiên.*

NƯỚC SUỐI MÁT QUÁ !

Ông LỘC, MỸ và TÂN ngồi nghỉ trên tảng đá.

Tiếng róc-rách nghe văng-vẳng. Ông LỘC quả-quyết :

" Có suối gần đây. "

TÂN hỏi : " Thưa Ba, suối ra sao, Ba ? "

Không trả lời câu hỏi của TÂN, Ông LỘC bảo :

" Hai con theo Ba. "

Đi độ vài mươi thước, Ông LỘC đứng lại :

Một dòng nước trên núi chảy xuống theo khe đá.

Ông LỘC tươi cười :

" Suối đây ! Các con lại xem. "

MỸ và TÂN chạy đến, nhúng tay vào dòng nước.

TÂN reo mừng : " Nước suối mát quá ! "

EM NHỚ : *Suối là dòng nước chảy từ trên núi xuống.*

SUỐI NÀY ĐI ĐÂU ?

Dòng suối vẫn róc-rách tuôn.

TÂN tò-mò hỏi : " Thưa Ba, suối này đi đâu ? "

Tay chỉ về hướng đường nước, Ông LỘC đáp :

" Suối theo khe đá chảy lần xuống chỗ thấp.

" Nhiều suối gặp nhau, họp thành sông con.

" Hai ba sông con gặp nhau họp thành sông cái.

" Sông con nhỏ hẹp; sông cái rộng, đổ ra biển.

" Ghe tàu lớn đi lại dễ-dàng trên sông cái.

MỸ góp ý :

" Sông Cửu-long là sông cái phải không Ba ? "

Ông LỘC gật đầu :

" Cửu - long, Đồng - nai đều là sông cái. "

EM NHỚ : *Nhiều suối họp thành sông con.*

Nhiều sông con họp thành sông cái.

ĐÈO " NGOẠN-MỤC "

Trên xe đò đi Nha-trang,

MỸ, TÂN say-sưa ngắm các đồi thông.

Ông LỘC báo trước : " Sắp tới đèo Ngoạn-mục rồi, hai con. "

TÂN hỏi : " Thưa Ba, đèo là gì ? "

— " Con thấy dãy núi chắn ngang trước mặt không ? "

— " Dạ thấy ! "

— " Xe mình sẽ qua đó theo đường thấp và tiện.

" Lối đi ấy gọi là đèo ".

Mỹ tiếp lời : " Thưa Ba, người ta nói :

" Lên đèo xuống ải, vậy ải ra sao, Ba ? "

— " Ải là đường nhỏ hẹp hai bên có núi.

" Nước ta có : Ải Chi-lăng, (1) Ải Nam-quan (1) .... "

EM NHỚ : *Đèo là lối đi thấp và tiện để qua núi.*

Chỗ hẹp giữa hai núi là ải.

---

(1) ẢI CHI-LĂNG, ẢI NAM-QUAN : tên Ải ở Bắc-Phần Việt-Nam.

THƯA BA, TAI CON LÙNG - BÙNG !

Xe nặng - nề leo lên đỉnh đồi " Ngoạn - mục. "

MỸ vừa ngoáy tai vừa than :

" Thưa Ba, tai con lùng - bùng khó chịu quá. "

TÀN nhăn - nhó : " Tai con cũng nhức nữa, Ba. "

Ông LỘC an-ủi con :

" Không sao đâu con ! Ba cũng vậy. "

" Lên cao thì tai lùng-bùng. Đèo này cao lắm.

" Kìa xe đổ đèo rồi, con nhìn phía dưới xem. "

— " Ghê quá, Ba !

" Ủa ! Ở dưới sao có nhiều nhà vậy ? "

— " Ừ ! Vùng đất con thấy gọi là thung-lũng.

" Khu đất ấy thấp nằm giữa hai dãy núi.

" Đất nơi đó trồng-trọt được, nên có người ở. "

EM NHỚ : *Thung-lũng là vùng đất thấp ở giữa hai dãy núi.*
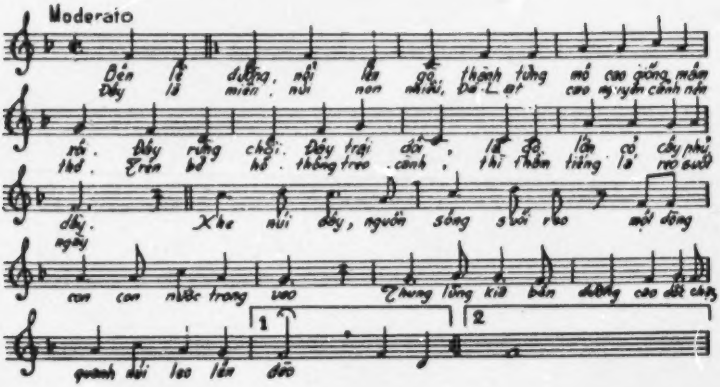
Moderato
Bên lề đường, nội lên gò thành từng mô cao giống mâm
Đây là miền núi non nhiều, Đa-Lạt cao nguyên cảnh nên
nú. Đây rừng chồi. Đây trái cải, lá gỏi lẫn cỏ cây nhỏ
thơ. Trên bờ hồ thông treo cành, thì thầm tiếng lá rơi suối
dây. Xa núi đây, nguồn sống suối vào một dòng
ngày
con con nước trong veo Thung lũng kia bản đồng cao dất chạy
1
2
quanh đồi leo lẻn đèo

CHƯƠNG V

BIỂN CẢ MINH-MÔNG

Ông LỘC và hai con tới Nha-trang hôm qua.

Chiều hôm nay, trời đẹp.

Ông dắt hai con ra biển hóng mát.

Mặt nước minh-mông, thẳng tắp tận chơn trời.

MỸ thỏ-thẻ : " Biển này đi tới đâu, hả Ba ? "

Ông LỘC nhìn ra khơi : " Biển này rộng lắm.

" Tàu chạy cả tháng mới đến bờ biển bên kia. "

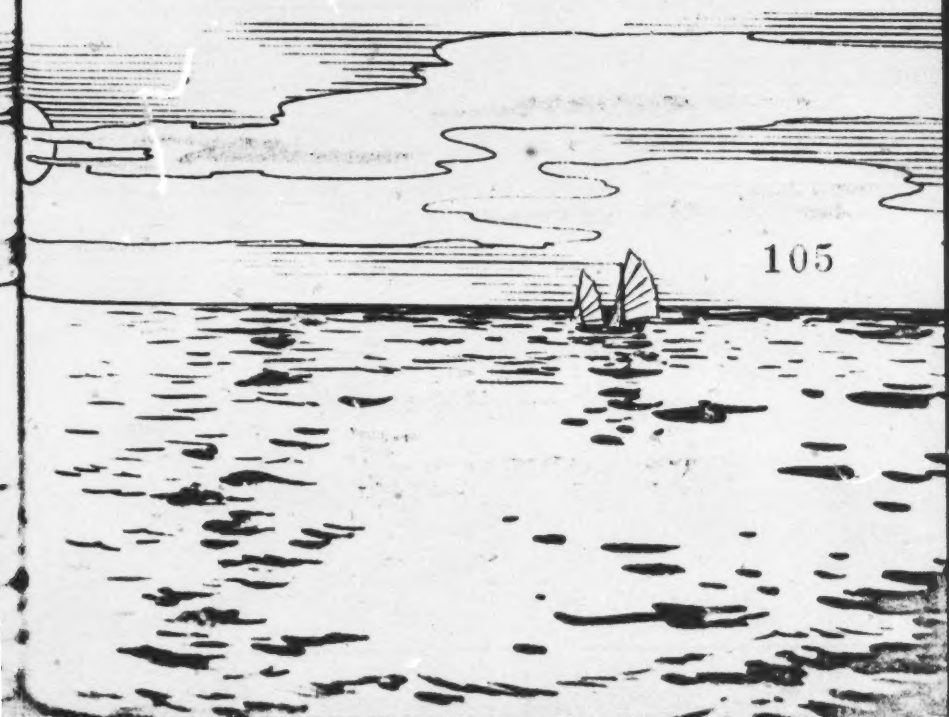

TÂN tươi cười tỏ vẻ hiểu biết. MỸ gật đầu :

" Hèn chi ! Người ta nói biển cả minh - mông ! "

EM NHỚ : *Biển là một vùng nước mặn rộng minh - mông.*

TRÊN BÃI BIỂN NHA-TRANG

Ông LỘC, MỸ và TÂN ngồi trên bãi cát.

MỸ khen : " Bãi này cát trắng quá há ! "

TÂN hỏi : " Bãi là gì Chị Hai ? "

MỸ ấp-úng . . . Ông LỘC xen vào :

107

" Chỗ mình ngồi đây là bãi biển.

" TÂN, con biết bờ biển không ? "

— " Dạ, bờ biển ra sao, Ba ? "

-- " Kìa, đất liền chạy dọc theo biển là bờ biển.

" Nơi nào bờ biển lài, con mới thấy bãi.

" Có chỗ không thấy bãi vì bờ biển hẳm.

" Bãi biển có chỗ có cát, có chỗ bùn lầy.

" Bờ biển có nơi bằng-phẳng.

" Có nơi lồi-lõm, đá chập-chồng. "

EM NHỚ : *Đất liền chạy dọc theo biển là bờ biển.*

Nơi bờ biển lài, người ta thấy bãi biển.

HÒN BẢY MIỄU (1)

Hôm sau, Ông LỘC, MỸ, TÂN viếng Hải - học - viện. (2)

Sẵn dịp, Ông mướn ghe chở hai con đi biển.

TÂN thấy những cụm đất xanh nhô lên mặt nước.

TÂN tò - mò hỏi : " Cái gì đó, Ba ? "

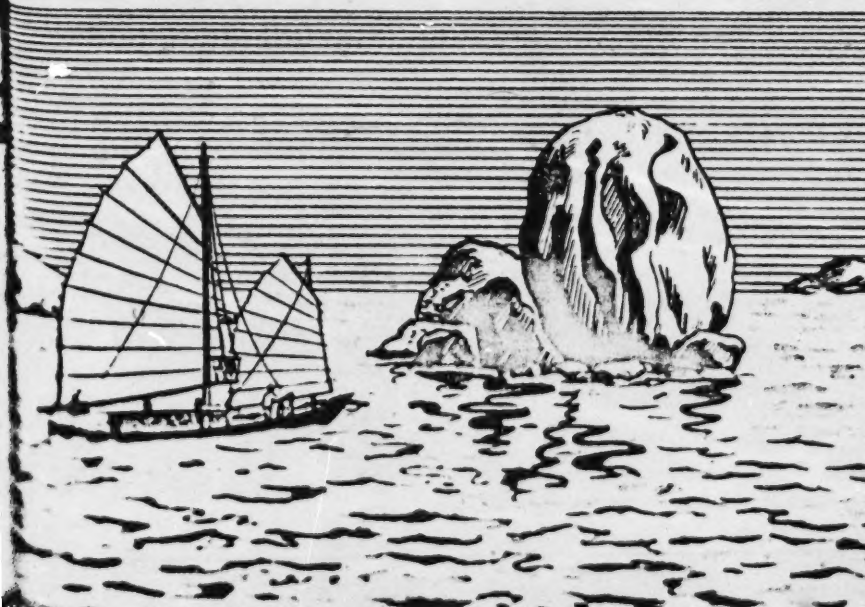

Ông LỘC cười, đáp : " Đó là những hòn.

" Trước mặt con là Hòn Bảy Miễu.

" Xa xa là Hòn Yến. (3) "

— " Có hòn nào lớn hơn nữa không, Ba ? "

— " Có chớ ! Những hòn lớn hơn gọi là đảo.

" Nước mình có nhiều đảo lớn :

" Cát - bà, Côn - sơn, Phú - quốc. "

EM NHỚ : *Đảo là những khoảnh đất cát hay núi nhô lên mặt nước. Đảo còn gọi là cù - lao.*

---

(1) HÒN BẢY MIỄU : tên một hòn ở biển Nha - trang.

(2) HẢI - HỌC - VIỆN : nơi tìm hiểu tất cả những gì thuộc về biển (thú, cây, dòng nước...)

(3) HÒN YẾN : tên một hòn khác ở biển Nha-trang, nơi đó người ta láy ổ chim én.

TIẾN RA HÒN YẾN

Thuyền rẽ sóng tiến ra Hòn Yến.

TÂN ngồi cạnh cha lơ-đãng nhìn về phía trước.

Rồi, sực nhớ, TÂN chỉ các hòn, hỏi :

" Đảo có gần nhau như các hòn này không, Ba ? "

Ông LỘC vuốt tóc con, đáp : " Có chớ !

" Các đảo ở gần nhau họp thành chòm.

" Người ta gọi là quần - đảo.

" Ở biển Bắc - Việt có quần - đảo Hạ - long.

MỸ tiếp lời cha : " Em TÂN à !

" Chị nghe nói phong - cảnh ở đó đẹp lắm ! "

EM NHỚ : *Nhiều đảo ở gần nhau gọi là quần-đảo.*

TỪ NHA-TRANG ĐẾN VŨNG-TÀU

Ông LỘC, MỸ, TÂN về Vũng-tàu.

Ba cha con quá giang một chiếc tàu buôn . . .

Ra khơi, biển động, tàu lắc-lư . . .

Độ một giờ sau, TÂN nhìn mặt biển, hỏi :

" Sao bây giờ biển lại êm quá, Ba ?

Ông LỘC ngó vô bờ, đáp :

" Vì tới vịnh Cam-ranh(1) rồi, con à ! "

TÂN tò-mò : " Thưa Ba, vịnh là gì ? "

— " Vịnh là nơi bờ biển ăn sâu vào đất liền.

" Vịnh Cam-ranh kín gió lắm.

" Gặp sóng gió lớn, tàu bè ẩn-núp rất tiện. "

EM NHỚ : *Vịnh là nơi bờ biển ăn sâu vào đất liền.*

Vịnh rất tiện cho tàu bè ẩn-núp, khi gặp sóng to gió lớn.

(1) VỊNH CAM-RANH : tên một vịnh ở bờ biển Trung-Phần Việt-Nam.

EM BIẾT CÁI VỊNH RỒI !

MỸ vừa lật bản-đồ, vừa dẫn giải cho TÂN :

" Nè em ! Đây là Vịnh Cam-ranh !

" Bán đảo Trung-Ấn (1) còn có hai vịnh lớn hơn.

" Vịnh Bắc-Phần và Vịnh Thái-lan. "

TÂN tiếp lời :

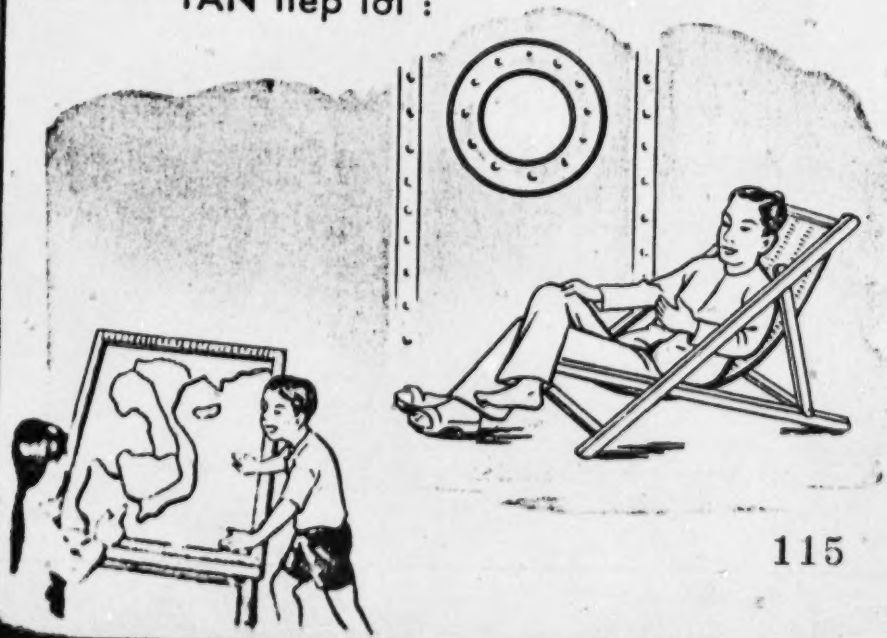

" Chị Hai ơi ! Em biết cái vịnh rồi !

" Còn bán đảo là gì ? " MỸ cắt nghĩa :

" Đây ! Em hãy nhìn kỹ bản-đồ.

" Xứ Trung-Ấn dính với đất liền một phần.

" Phần khác thọc ra biển.

" Bán đảo là nửa đảo, nửa đất liền. "

MỸ, TÂN mãi nói chuyện mà lật-bật đã tối. . . .

EM NHỚ : *Bán đảo là một vùng đất có một phần thọc ra biển.*

---

(1) BÁN ĐẢO TRUNG-ẤN : tên bán đảo giữa Trung-hoa và Ấn-độ.

SẮP ĐẾN VŨNG-TÀU RỒI, CON À !

Trời về đêm. Đâu đó êm-lặng. . . .

TÂN chỉ nghe tiếng " bình, bình " của máy tàu.

Từ đàng xa, những luồng ánh-sáng rọi lại.

TÂN ngơ-ngác, hỏi : " Ai rọi đèn " bin " chi vậy Ba ? "

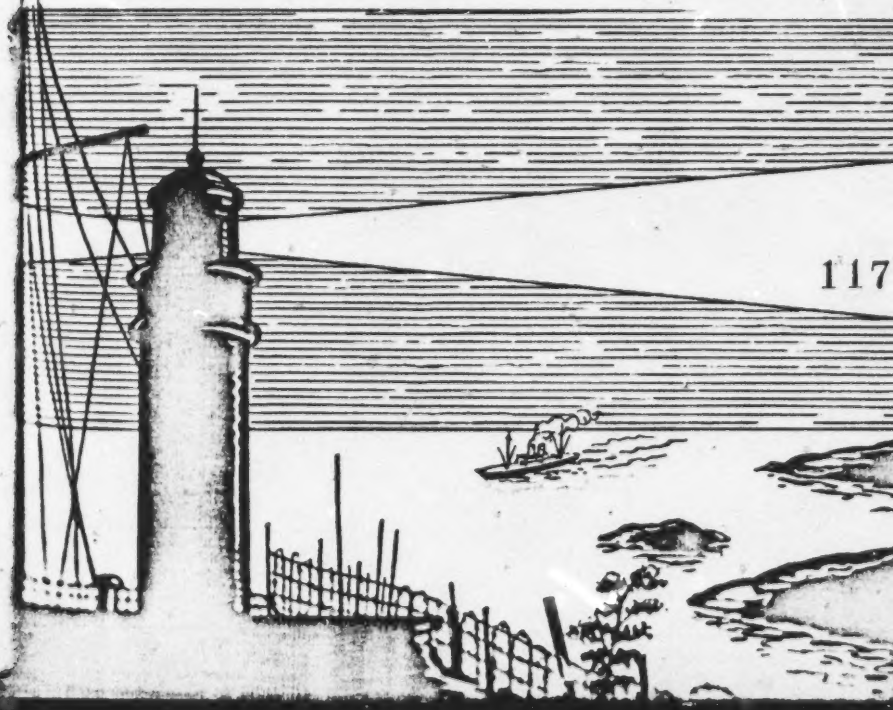

Ông LỘC kề tai con, nói nhỏ :

" Sắp tới Vũng-tàu rồi, con à !

" Đó là ánh đèn biển tại Mũi Vũng-tàu. "

— " Đèn biển rọi chi vậy, Ba ? "

— " Rọi lối cho tàu đi biển ban đêm.

" Nhờ đèn biển, tàu khỏi chạm đá khi vào bến. "

— " Tới Vũng-tàu, mình đi xem đèn biển, nghe Ba ! "

Ông LỘC vui-vẻ gật đầu.

EM NHỚ : *Đèn biển soi lối cho người đi biển ban đêm.*

Nhờ đèn biển, tàu bè khỏi chạm đá khi vào bến.

TRÁI BANH NỔI TRÊN MẶT BIỂN

Hừng sáng, Ông LỘC, MỸ, TÂN ra tới bãi sau.

Ngoài biển, chưn trời nhuộm màu đỏ rực.

TÂN nhìn sững mặt trời từ từ nhô lên.

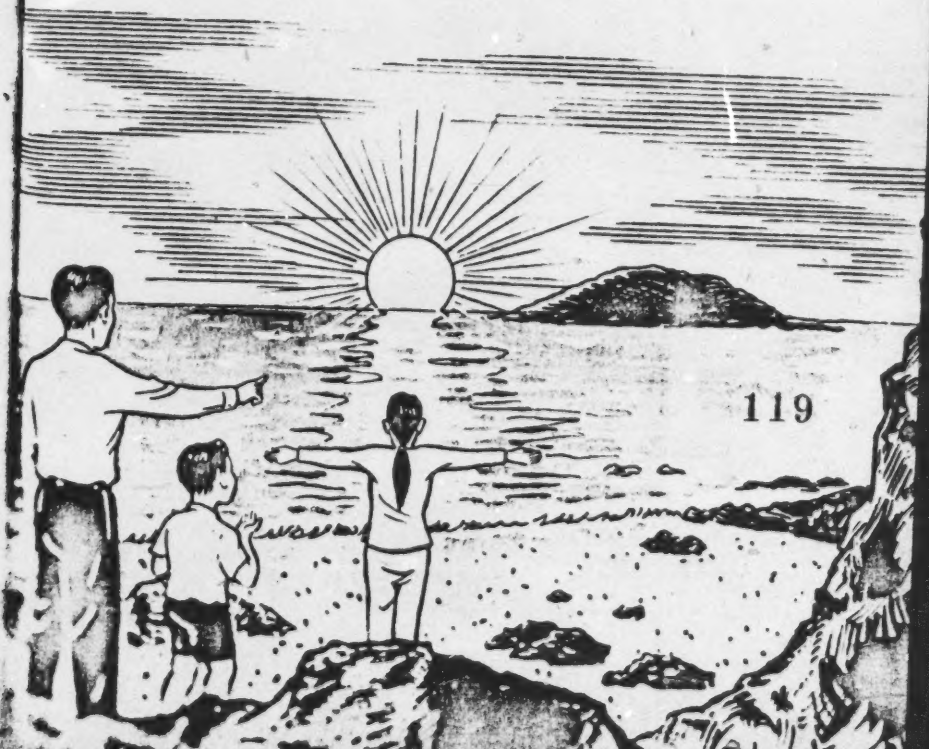

MỸ trêu em : " Trái banh nổi trên biển kìa, TÂN ! "

TÂN nói : " Mặt trời đó, bộ em không biết sao ? "

– " Giỏi ! Sao hôm qua ở bãi trước mình không thấy ? "

TÂN ấp úng . . . Ông LỘC mỉm cười, giảng giả

" Mặt trời luôn luôn mọc hướng đông, con à !

" Con đứng ngó về mặt trời : trước, là hướng Đông.

" Sau lưng là hướng Tây. Tay mặt là hướng Nam.

" Tay trái là hướng Bắc. " TÂN vỗ tay :

" Em biết rồi, Chị Hai ! Bãi trước ở hướng Tây.

" Mình đâu thấy mặt trời mọc ngoài biển được. "

EM NHỚ : *Mặt trời mọc hướng Đông.*

ĐI ĐƯỜNG BIỂN, ĐƯỢC KHÔNG CHỊ ?

Tại nhà mát công-chức Vũng-tàu.

TÂN hỏi MỸ :

" Chị Hai ! Mai mình đi đường nào về Cà-mau ?

" Đi đường biển được không, Chị ? "

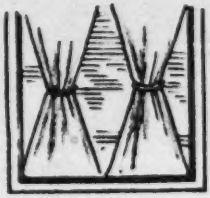

121

MỸ láy địa-đồ chỉ cho em :

" Nếu đi đường biển, mình phải theo đường này. "

Nhìn phía Nam Mũi Cà-mau, TÂN tò-mò, hỏi :

" Phía dưới này là xứ gì đây, Chị ? "

– Xứ Mã-lai, (1) còn đây là quần đảo Nam-dương. (2)

" Hai xứ cách nhau có một khoảng biển nhỏ hẹp.

" Khoảng biển đó gọi là Eo biển Mã-lai. "

TÂN lại níu tay cha đang nằm xem báo, nói :

" Mai mình đi đường biển về Cà-mau, nghe Ba ! "

EM NHỚ : *Eo biển là một khoảng biển nhỏ hẹp ở giữa hai dải đất.*

---

(1) MÃ-LAI : tên một xứ ở Đông-Nam Á-châu.

(2) QUẦN ĐẢO NAM-DƯƠNG : tên quần đảo ở Đông-Nam Á-châu nay gọi là Indonésia.
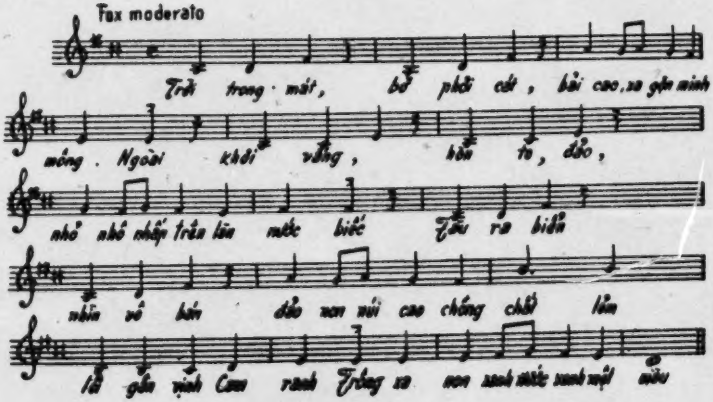
Tax moderato
Trời trong mát, bờ phơi cát, bãi cao, sa gần mình
mông. Người khỏi vắng, hòn tô, đảo,
nhỏ nhô nhấp trên lừa mắc biếc Thấy ra biển
nhìn về bến đảo non núi cao chồng chất lên
lô gần vịnh Cam ranh Trông ra non xanh nước xanh một màu

ĐOẠN KẾT

TÂN về đến nhà, lòng vui sướng.

Qua 3 chuyến đi, TÂN nhìn tường-tận cánh đồng bát-ngát, dãy núi chập-chồng, đồi thông cao-vút, mặt biển minh-mông. TÂN nghe rõ-ràng tiếng suối chảy, nhịp sóng vỗ bờ.

TÂN ngửi được mùi mạ non, nếm được vị nước biển.

TÂN lên đến chót núi, tay rờ các bộ-phận đèn biển.

TÂN phân-biệt dòng suối và cái lạch, con kinh và sông cái, [illegible] vịnh, đồi và núi, đầm và ao, v. v...

TÂN không còn thấy những danh-từ địa-lý là khô-khan, khó nhớ nữa.

Môn địa-lý đối với TÂN trở nên dễ học và lý-thú.

MỤC LỤC

THỨ TỰ	ĐỀ - TÀI	ĐẦU BÀI	TRANG
		CHƯƠNG I	
1	Đường đá, đường nhựa	Trên đường về quê	14
2	Đường đất, ngõ	Đường [illegible]ô nhỏ Bác Hai	17
3	Điếm canh	Trại canh	20
4	Vườn	Vườn Bác Hai	22
5	Ao	Câu cá	24
6	Nghĩa - địa	Viếng mộ	27
7	Đập	Bờ đập	29
8	Cống	Ý I cái đập này lũng	32
9	Đê	Đê để làm gì ?	35
10	Bài ôn		38
		CHƯƠNG II	
11	Ruộng	Thăm ruộng	40
12	Đồng bằng	Đồng Cà-Mau	42
13	Nương mạ	Đám cỏ non	45
14	Rạch	Rạch rập	47
15	Sông đào	Mương - lộ	49

THỨ TỰ	ĐỀ - TÀI	ĐẦU BÀI
16	Kinh	Phải sông-đào không, Ba ?
17	Đàm	Đàm Bà Tường
18	Mũi	Mũi Ông Lục
19	Doi	Doi mấm
20	Bài ôn	
		CHƯƠNG III
21	Bến thuyền	Bến thuyền Mỹ-tho
22	Cầu	Qua cầu Bến-lức
23	Chợ	Chợ Sài-gòn
24	Nhà hàng	Đây là tiệm gì Ba ?
25	Nhà Bưu-điện	Chờ Ba mua cò đã !
26	Điện-thoại	A-lô ! A-lô !
27	Đường xe điện	Ấy là đường xe điện con à !
28	Bến tàu	Cần trục ngộ quá !
29	Nhà ga — Đường hoả xa	Chuyến xe lửa Đà-lạt
30	Bài ôn	
		CHƯƠNG IV
31	Gò, đồi	Mả của ai vậy chị hai ?
32	Núi, núi lửa	Á ! núi ngộ quá !

TRANG	THỨ TỰ	ĐỀ - TÀI	ĐẦU BÀI	TRAN
51	33	Hầm mỏ	Thưa Ba, than đá lấy ở đâu ?	88
53	34	Rừng	Cắm đốt lửa	90
55	35	Hồ	Hà "Xuận-Hương"	92
57	36	Suối	Nước suối mát quá !	94
59	37	Sông con, sông cái	Suối này đi đâu ?	96
	38	Đèo, ải	Đèo "Ngoạn-Mục"	98
62	39	Thung-lũng	Thưa Ba, tai con lùng bùng !	100
64	40	Bài ôn	Bài hát : Đường lên Cao-nguyên	102
67			**CHƯƠNG V**	
69	41	Biển	Biển cả mình-mông	10
71	42	Bãi biển, bờ biển	Trên bãi biển Nha-trang	10
73	43	Đảo	Hòn Bảy Miệu	10
75	44	Quần-đảo	Tiến ra Hòn Yến	11
77	45	Vịnh	Từ Nha-trang đến Vũng-tàu	11
79	46	Bán đảo	Em biết cái Vịnh rồi !	11
81	47	Đèn biển	Sắp đến Vũng-tàu rồi, con à !	11
	48	Phương-hướng	Trái banh nổi trên mặt biển	11
84	49	Eo biển	Đi đường biển, được không chị ?	12
87	50	Bài ôn	Bài hát : Vịnh Cam-ranh	12

PHẦN PHỤ :

Phương-pháp hướng-dẫn bài học Địa-lý lớp tư

Chương 1 — Bài số 1

Đề-tài : Đường đá, đường nhựa.
Đầu bài : Trên đường về quê.

I.— SỬA-SOẠN Ở NHÀ :

1.— Ý CHÁNH :

— Đường đá thường ngắn, nối liền các quận, các làng trong tỉnh.
— Đường nhựa thường dài, nối liền các thành-phố.

2.— TÀI-LIỆU CẦN-THIẾT :

— Thế nào là đường đá ? — mặt đường trải đá xanh hoặc đỏ.
— Thế nào là đường nhựa ? — mặt đường tráng thêm một lớp nhựa.
— So sánh :
a) — giống nhau : đều có trải đá, rộng, sống (phần giữa mặt đường) cao, hai bên thấp, xe cộ đi lại dễ-dàng.
b) — khác nhau : mặt đường nhựa có tráng thêm một lớp dầu hắc,
— đường đá nối liền các quận, các làng,
— đường nhựa nối liền các thành-phố lớn,
— đường đá mau hư nên lởm-chởm, xe chạy hơi gian, nhiều bụi,
— đường nhựa phẳng, lâu hư, xe chạy êm, ít bụi.

— Ích-lợi của hai loại đường :
— giúp việc lưu-thông,
— mở-mang kinh-tế trong xứ.

3.— HỌC-LIỆU :

— Con đường đá và con đường nhựa gần trường,
— Hình vẽ trong sách,
— Hình đường-sá trong một thành-phố lớn nước ngoài.

II.– GIẢNG DẠY :

1.– TRƯỚC KHI MỞ SÁCH :

Nếu có thể, hướng-dẫn học-sinh quan-sát tận nơi hai con đường. Chia học-sinh ra 2 toán : một toán quan-sát đường đá, một toán quan-sát đường nhựa.

Mỗi toán chia ra làm nhiều nhóm :

– nhóm nhận-xét mặt đường, sống đường, lề đường,

– nhóm theo dõi sinh-hoạt trên đường,

– nhóm tìm hiểu những điểm giống nhau và khác nhau giữa 2 loại đường.

– Khuyến-khích học-sinh trình-bày, những điều nhận-xét của nhóm. Nếu các em tỏ vẻ lúng-túng, dùng câu hỏi khéo-léo dẫn dắt, đại để : mặt đường đá ra sao ? Mặt đường nhựa thế nào ? Sống đường nhựa có giống sống đường đá không ? Xe chạy trên đường nhựa có tung nhiều bụi không ? Xe chạy trên đường đá thì thế nào ? Tại sao từ làng này đến làng kia ít có đường nhựa ? (xe ít chạy, ít cần-thiết về mặt giao-thông và buôn bán.....).

– Cho xem hình đường-sá trong một thành-phố lớn nước ngoài rồi so-sánh các đường trong hình này với các đường gần trường.

– Ngợi-khen những học-sinh trả lời đúng rồi tiếp : Giờ đây thầy kể cho các em nghe câu chuyện một học-sinh, cũng bằng tuổi các em, cũng học lớp tư như các em, đã có dịp theo cha cùng chị dạo chơi đây đó, trên các loại đường từ thôn-quê đến thành-thị, từ đồng-bằng lên miền núi, rồi ra miền biển. Em học-sinh đó tên TÂN, 7 tuổi. TÂN có một người chị tên MỸ, 12 tuổi, học lớp Nhứt. Ba TÂN là Ông LỘC làm thơ-ký Ty Địa-chánh tỉnh An-xuyên (Cà-mau).

Chúng ta ngưng câu chuyện em TÂN tại đây.

Chúng ta sẽ theo dõi TÂN qua các cuộc du-lịch của em, trong những giờ địa-lý sắp tới.

2.– DÙNG SÁCH :

Nhắc lại câu chuyện Ông LỘC, MỸ và TÂN. Bảo học-sinh mở sách ra và giới-thiệu :

Đây là Ông LỘC, MỸ và TÂN. Cho học-sinh quan-sát hình vẽ, rồi hỏi các em về cử-chỉ và cách ăn-mặc của ba nhân-vật ấy ? Đoạn, kể tiếp :

« Nhơn ngày lễ Thanh-minh, Ông LỘC dẫn hai con về quê cúng mộ. » Bảo học-sinh lật qua bài số 1. Cho các em nhận-xét hình rồi hỏi : « Các em có nhận thấy ba cha con Ông LỘC đứng đâu không ? Xe đậu tại đâu ? Con đường nầy tráng nhựa hay trải đá ? » Bảo một học-sinh đọc, cả lớp đọc theo. Xong hướng-dẫn học-sinh nói chuyện : « MỸ, TÂN theo cha đi đâu ? Ra khỏi châu-thành, TÂN hỏi gì ? Ông LỘC trả lời thế nào ? Ở đâu có đường đá ? Ở đâu có đường nhựa ? Đường nhựa khác đường đá thế nào ? »

3.– KIỂM ĐIỂM :

Đường gì nối liền các làng và các quận ? Đường gì nối liền các thành-phố lớn ?

Cho nhiều em lập lại câu trả lời :

« Đường đá nối liền các làng, các quận, trong tỉnh. Đường nhựa nối liền các thành-phố lớn. »

III.– HỢP-TÁC GIỮA GIA-ĐÌNH VÀ HỌC-ĐƯỜNG :

Bảo học-sinh đem quyển Địa-lý mới về trình cha mẹ và thuật lại câu chuyện Ông LỘC, MỸ, TÂN cho phụ-huynh nghe.

Chương I — Bài thứ 5

Đề-tài : Ao

Đầu bài : Câu cá.

I.— SỬA-SOẠN Ở NHÀ

1.— Ý CHÁNH : Ao là một cái vũng lớn và sâu do người ta đào để chứa nước hay nuôi cá.

2.— TÀI-LIỆU CẦN-THIẾT : Ở thôn-quê, nhứt là ở những vùng nước mặn, người ta thường đào ao để chứa nước ngọt. Có khi người ta cũng đào ao để nuôi cá hoặc thả rau muống, rau nhút. . . . Ao rộng và sâu. Chung-quanh ao, người ta đắp bờ cao để nước bẩn không chảy xuống ao được khi có mưa.

3.— HỌC-LIỆU : Hình vẽ hoặc ảnh chụp một cái ao. Nếu gần trường có ao, thì cho trẻ đến quan-sát tại chỗ, nếu không thì đào một cái lỗ nơi góc sân trường để chứa nước, chung-quanh có bờ cao.

II.— GIẢNG BÀI

1.— TRƯỚC KHI MỞ SÁCH : Thầy gợi ý cho trẻ con thảo - luận.

Ngày nghỉ, em nào có đi câu cá ? Các em câu ở đâu ? Câu ở đâu có nhiều cá ? Tại sao câu ở ao thường được nhiều cá ?

2.— DÙNG SÁCH :

Các em còn nhớ trong bài trước MỸ và TÂN đi đạo ở đâu không ?

Các em nhìn kỹ hình trong sách, lần nầy MỸ và TÂN làm gì ?

Ông LỘC và Bác Hai đứng ở đâu ?

MỸ, TÂN câu ở đâu ?

Ai câu được cá ?

Các em thử đoán cái ao này rộng không ? Tại sao em biết ?

Trên mặt nước ao có gì ?

Cho đọc, dùng câu hỏi tập trẻ thuật lại câu chuyện.

Đại-khái :

Bác Hai hỏi gì ? TÂN trả lời thế nào ? Bác Hai bảo sao ?

TÂN so-sánh cái ao với vật gì ?

MỸ trả lời làm sao ?

Câu trả lời của MỸ có đúng không ?

3.— KIỀM-ĐIỂM :

Ao với vũng khác nhau thế nào ?

Người ta đào ao để làm gì ?

(Cho nhiều em lập lại câu trả lời đúng : Người ta đào ao để chứa nước hoặc nuôi cá).

III.— HỢP-TÁC GIỮA GIA-ĐÌNH VÀ HỌC-ĐƯỜNG

Dặn các em đem chuyện Ông LỘC, MỸ, TÂN về thuật lại cho phụ-huynh nghe.

Hỏi trong lớp em nào nhà có ao nuôi cá. Bảo em ấy về xin phép cha mẹ dẫn các bạn đến xem ao cá nhà mình.

Riêng các trường ở thôn quê, bảo các em về thưa lại với cha mẹ nên đắp bờ chung-quanh ao để cản nước dơ.

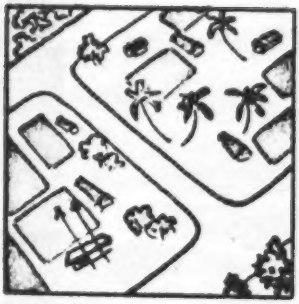

NHÂN DÂN HOA-KỲ

với sự hợp-tác của

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

thân tặng

các Trường Sở tại Việt Nam